

S GDCK HÀ N I CH P THU N NG KÝ GIAO D CH CH C Ó NGH A LÀ VI C NG KÝ GIAO D CH CH NG KHOÁN Ấ TH CHI N THEO CÁC QUY NH C A PHÁP LU T LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý M B O GIÁ TR C A CH NG KHOÁN. M I TUYÊN B TRÁI V I I UNÀY LÀ B TH P PHÁP.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY C PH N PROCIMEX VI T NAM

(Gi y ch ng nh n KDN do S K ho ch và ut thành ph à N ng c p l n u ngày 02/01/2008, ng ký thay i l n th 2 ngày 11/06/2013)

NG KÝ GIAO D CH C PHI U TRÊN S GIAO D CH CH NG KHOÁN HÀ N I

(Quy t nh ng ký giao d ch s : ... / KGD do..... c p ngày... tháng... n m....)

B N CÔNG B THÔNG TIN VÀ TÀI LI U B SUNG S C CUNG C P T I:

1 - Công ty C ph n Procimex Vi t Nam:

a ch : Lô C1, Khu công nghi p D ch v Th y s n à N ng, ph ng Th Quang, qu n S n Trà, TP à N ng, Vi t Nam

i n tho i: 0511. 3923 555 Fax: 0511. 3923 758

Website: www.procimex-fish.com.vn

2 - Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn - Hà N i:

Tr s chính:

a ch : T ng 3, tòa nhà Trung tâm H i ngh Công oàn, s 1 Y t Kiêu, Hoàn Ki m, Hà N i.

S i n tho i: 04. 38181 888 Fax: 04. 38181 688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh t i Thành ph à N ng:

a ch : S 97 ng Lê L i, qu n H i Châu, Tp à N ng

S i n tho i: 0511. 3525 777 Fax: 04. 3523 779

Chi nhánh t i Thành ph H Chí Minh:

a ch : S 236-238 Nguy n Công Tr , Qu n 1, Tp H Chí Minh

S i n tho i: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

NG I CÔNG B THÔNG TIN

H tên: **Nguy n H u D ng**

Ch c v : T ng Giám c

i n tho i: 0511 3 923 568 - Fax: 0511 3 923 758

CÔNG TY CỔ PHẦN PROCIMEX VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận KDN do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/06/2013)

NG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHẦN TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
Mã chứng khoán: PRO
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số đăng ký giao dịch: 3.000.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch: 30.000.000.000 đồng

TỔNG CÔNG TY KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Trụ sở chính: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 3930 5163 Fax: 08. 3930 4281

Website: www.aisc.com.vn

TỔNG CÔNG TY V N:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 38181 888 Fax: 04. 38181 688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội:

Địa chỉ: Số 97 Đường Lê Lợi, Quận Hai Châu, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 04. 3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Số 236-238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

M C L C

I. CÁC NHẬT RIRO	5
1. Ri ro v kinh t	5
2. Ri ro v pháp lu t.....	7
3. Ri ro c thù.....	7
4. Ri ro khác.....	7
II. NH NG NG I CH U TRÁCH NHI M CHÍNH IV IN I DUNG B N CÔNG B THÔNG TIN	8
1. T ch c ng ký giao d ch.....	8
2. T ch ct v n.....	8
III. CÁC KHÁI NI M VÀ NHÓM T VI TT T	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ C I M C AT CH C NG KÝ GIAO D CH	9
1. Tóm t t quá trình hình thành và phát tri n.....	9
1.1. <i>Gi i thi u v Công ty</i>	9
1.2. <i>L ch s hình thành và phát tri n</i>	10
2. C c ut ch c, b máy qu n lý Công ty.....	10
3. Danh sách c ông n m gi t 5% v n c ph n c a Công ty, c c uc ông và t l c ph n n m gi	17
4. Danh sách Công ty m và công ty con c a t ch c ng ký giao d ch, nh ng Công ty mà t ch c ng ký giao d ch ang n m gi quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i, danh sách nh ng Công ty n m quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i i v it ch c ng ký giao d ch.18	
4.1. <i>Công ty m c a T ch c ng ký giao d ch</i>	18
4.2. <i>Các công ty con c a t ch c ng ký giao d ch</i>	19
5. Ho t ng kinh doanh	19
5.1. <i>S n ph m, d ch v chính</i>	19
5.2. <i>Nguyên v t li u:</i>	22
5.3. <i>Chi phí ho t ng s n xu t kinh doanh</i>	23
5.4. <i>Trình công ngh</i>	23
5.5. <i>Tình hình nghiê n c u và phát tri n s n ph m</i>	24
6. Báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh	31
6.1. <i>Tóm t t m t s ch tiêu v ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty</i>	31
6.2. <i>Nh ng nhân t nh h ng n ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty trong n m báo cáo</i> ..	31
7. V th c a Công ty so v i các doanh nghi p khác trong cùng ngành	32
7.1. V th c a Công ty trong ngành.....	32
7.2. Tri n v ng phát tri n c a ngành.....	33
7.3. ánh giá v s phù h p nh h ng phát tri n c a Công ty v i nh h ng c a ngành, chính sách c a Nhà n c, và xu th chung trên th gi i.....	34
8. Chính sách i v i ng i lao ng.....	35
8.1. Tình hình lao ng.....	35
8.2. Chính sách i v i ng i lao ng.....	35
9. Chính sách c t c.....	37

10.	Tình hình hoạt động tài chính	37
10.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	37
10.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	41
11.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	42
11.1.	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	42
11.2.	Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	47
11.3.	Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	49
12.	Tài sản	50
13.	Khoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và chi phí trong năm tiếp theo	51
13.1.	Chỉ tiêu lợi nhuận và chi phí năm 2014.....	51
13.2.	Khoạch xuất, dự án đã thực hiện qua.....	52
14.	Thông tin về những cam kết nghiêm túc của Công ty.....	53
15.	Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	53
V.	CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	53
1.	Tên cổ phiếu	53
2.	Mã chứng khoán	53
3.	Loại cổ phiếu	53
4.	Mệnh giá	53
5.	Tổng số lượng cổ phiếu đang ký giao dịch.....	53
6.	Phương pháp tính giá.....	53
7.	Giới hạn tối đa mức giao dịch ngoài	54
8.	Các lợi ích liên quan	54
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	55
1.	Tổng công ty	55
2.	Tổng kế toán	55
VII.	PHỤ LỤC.....	55

I. CÁC NHẬN ĐỊNH RIRO

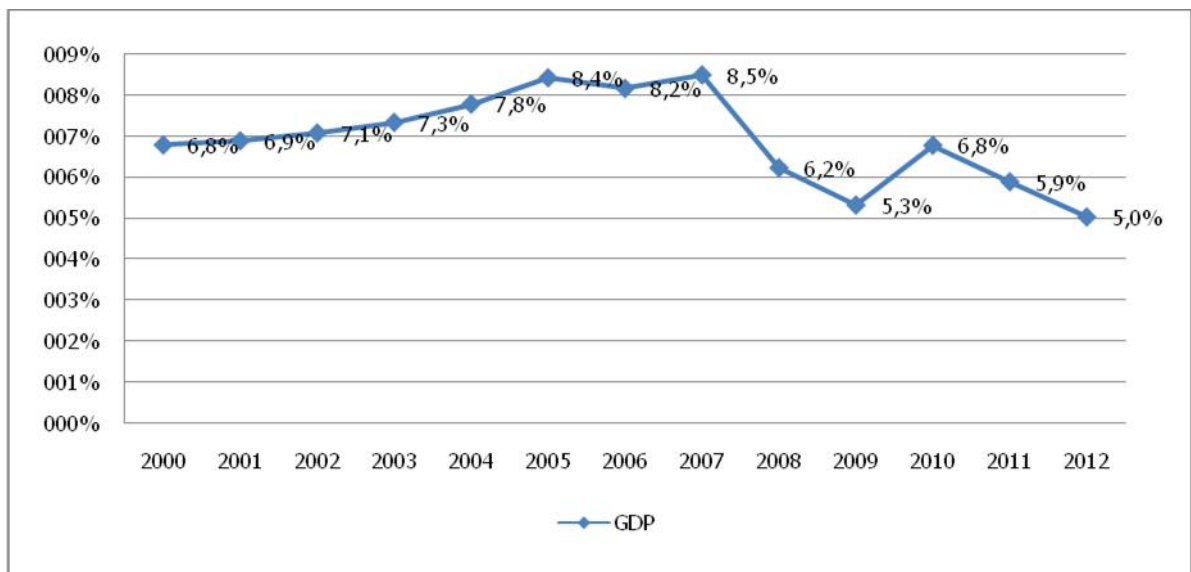
1. R i ro v kinh t

T ng tr ng kinh t :

Th c tr ng và xu h ng phát tri n c a n n kinh t trong n c luôn nh h ng n s t n t i và phát tri n c a các doanh nghi p. Khi n n kinh t giai o n t ng tr ng cao s t o nhi u c h i cho doanh nghi p phát tri n. Ng c l i, khi n n kinh t sa sút, suy thoái s gây nh h ng tiêu c c cho các doanh nghi p.

Kinh t Vi t Nam có xu h ng t ng đ n trong nh ng n m 2000 – 2007 v i t c t ng tr ng trung bình t 7,8%. Tuy nhiên cu c kh ng ho ng tài chính c a m t s n n kinh t l n trong n m 2008 ã y n n kinh t th gi i vào tình tr ng suy thoái, làm h p th tr ng xu t kh u, th tr ng v n, th tr ng lao ng và tác ng tiêu c c t i nhi u l nh v c kinh t xã h i khác c a n c ta, t c t ng tr ng kinh t trong n c n m 2008 ch t 6,18% và con s này trong n m 2009, 2010 và 2011 sau nhi u n l c ph c h i n n kinh t c a Chính ph c ng t ng ng ch là 5,32%, 6,78% và 5,89%.

Bi u 1: T c t ng tr ng GDP c a Vi t Nam



Ngu n: T ng c c th ng kê

N m 2012, tình hình kinh t trong n c ti p t c ph i i m t v i nh ng khó kh n, thách th c l n. T ng tr ng kinh t n m 2012 ti p t c ch m l i (ch t 5,03%, th p h n ch tiêu n m 2011; m t b ng lãi su t v n m c cao, tuy v y l m phát ã c ki m ch xu ng còn m t ch s .

N m 2013, kinh t Vi t Nam ã có nh ng bi n chuy n theo h ng tích c c h n, GDP n m 2013 t ng h n 5,42%, c i thi n tích c c so v i m c t ng 5,25% c a n m 2012. Theo đ báo trong n m 2014, t ng tr ng GDP s m c 5,8%. Nhìn chung t c t ng tr ng GDP v n còn ch m so v i m c tiêu ra.

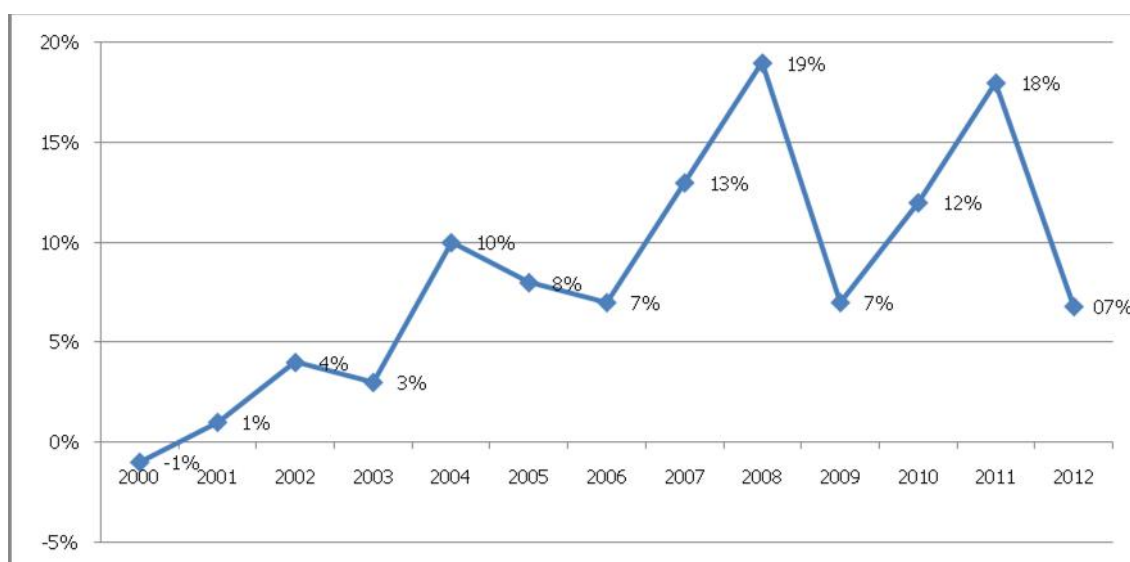
Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù nền kinh tế đã dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, những bất ổn về tài chính và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có để phát triển và vươn lên.

Lợi nhuận:

Chỉ số lợi nhuận ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chỉ phí chi phí sản xuất kinh. Tỷ lệ Lợi nhuận, tỷ lệ lợi nhuận đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, giảm bớt năm 2008 tỷ lệ lợi nhuận đã tăng lên tới 19,87%. Năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lợi nhuận của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lợi nhuận giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi nhuận của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lợi nhuận của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của các quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lợi nhuận của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhu cầu tăng hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã tập trung quan trọng vào việc kiểm soát lạm phát của năm 2012 đã giảm xuống còn 6,8%.

Năm 2013, với mục tiêu hàng đầu là kiềm chế lạm phát, tỷ lệ lợi nhuận của Chính phủ đã giảm xuống còn 6%. Tỷ lệ lợi nhuận duy trì mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, mở rộng hoạt động kinh doanh mạnh mẽ.

2. **Ri ro v pháp lu t**

Là công ty c ph n, do v y ho t ng c a Công ty C ph n Procimex Vi t Nam ch u nh h ng c a các v n b n pháp lu t v công ty c ph n, ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán. Lu t và các v n b n đ i lu t trong l nh v c này ang trong quá trình hoàn thi n, s thay i v m t chính sách luôn có th x y ra và khi ó ít nhi u s nh h ng n ho t ng qu n tr , kinh doanh c a doanh nghi p và khi ó s nh h ng n giá c phi u c a Công ty trên th tr ng.

Th i gian qua h th ng lu t và v n b n đ i lu t ang trong quá trình hoàn thi n theo h ng tích c c và thu n l i cho doanh nghi p, giúp cho Công ty có h ng i úng và lành m nh trong các ho t ng s n xu t kinh doanh. Công ty luôn b o m theo sát và tuân th y các quy nh pháp lu t hi n hành song song v i vi c tri n khai và m r ng các ho t ng kinh doanh m t cách hi u qu .

3. **Ri ro c thù**

Ri ro ngu n nguyên li u:

M t y u t ri ro quan tr ng trong ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty ó là nguyên v t li u u vào. Ph n l n s bi n i tích c c hay tiêu c c nào c a ngu n nguyên v t li u u nh h ng n quá trình ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

- i u ki n t nhiên: Khi th i ti t thay i nhi u, s l ng và ch t l ng cá s b nh h ng, t ó làm nh h ng n ngu n cá nguyên li u cho Công ty;
- C nh tranh trong thu mua nguyên li u: i u này th ng x y ra trong lúc trái mùa (khan hi m cá) do a bàn ho t ng c a Công ty có nhi u doanh nghi p kinh doanh trong l nh v c ch bi n cá.

Ri ro v th tr ng tiêu th :

Do s n ph m c a Công ty ch y u c xu t kh u nên ri ro có th x y ra khi có s thay i hành vi c a ng i tiêu th các n c nh p kh u th y s n c a Vi t Nam. Bên c nh ó, các chính sách b o h c a ng i nuôi cá các n c nh p kh u ã di n ra qua các v ki n ch ng bán phá giá, c ng nh s thay i ngày càng kh t khe v các tiêu chu n v sinh an toàn th c ph m, tiêu chu n v ch t l ng, tiêu chu n v ki m d ch, thu c, hóa ch t s đ ng trong quá trình ch n nuôi và ch bi n th y s n là nh ng nhân t có th làm thu h p th tr ng xu t kh u và làm nh h ng n ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

Ri ro v t giá:

H i n nay, ho t ng c a Công ty ch y u là xu t kh u th y s n nên ph n l n doanh thu c a Công ty u b ng ngo i t , trong khi Công ty s đ ng ph n l n ngu n nguyên li u trong n c nên ri ro có th x y ra khi có s bi n ng b t l i v t giá làm nh h ng n k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

4. **Ri ro khác**

Ho t ng kinh doanh c a Công ty có th ch u nh h ng b i nh ng ri ro khác nh ri ro do thiên tai, bi n ng giá c , s nh h ng nh ng bi n ng chính tr , xã h i trên th gi i, chi n tranh, b nh d ch... làm gi m l i nhu n c a Công ty ho c làm cho các khách hàng

truy n th ng có th b gi m sút và các th tr ng ti m n ng có th m t n nh. Nh ng r i ro này dù ít hay nhi u c ng s có nh ng tác ng tr c ti p ho c gián ti p n k t qu ho t ng kinh doanh c a Công ty.

II. NH NG NG I CH U TRÁCH NHI M CHÍNH I V I N I DUNG B N CÔNG B THÔNG TIN

1. T ch c ng ký giao d ch

Ông **Ph m M nh Th ng** Ch c v : Ch t ch H i ng qu n tr

Ông **Nguy n H u D ng** Ch c v : T ng Giám c

Bà **Tr n Th Thu Hà** Ch c v : K toán tr ng

Bà **Phan Th Kim Nguyên** Ch c v : Tr ng Ban ki m soát

Chúng tôi m b o r ng các thông tin và s li u trong B n công b thông tin này là phù h p v i th c t mà chúng tôi c bi t, ho c ã i u tra, thu th p m t cách h p lý.

2. T ch c t v n

i di n T ch c t v n: Ông **V c Ti n**

Ch c v : Phó T ng giám c ph trách i u hành Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i

B n công b thông tin này là m t ph n c a h s ng ký giao d ch do Công ty C ph n Ch ng khoán Sài Gòn – Hà N i tham gia l p trên c s h p ng t v n v i Công ty C ph n Procimex Vi t Nam. Chúng tôi m b o r ng vi c phân tích, ánh giá và l a ch n ngôn t trên B n công b thông tin này ã c th c hi n m t cách h p lý và c n tr ng d a trên c s các thông tin và s li u do Công ty C ph n Procimex Vi t Nam cung c p.

III. CÁC KHÁI NI M VÀ NHÓM T VI T T T

- Công ty Công ty C ph n Procimex Vi t Nam
- Procimex Tên vi t t t c a Công ty C ph n Procimex Vi t Nam
- H C i h i ng c ông
- H QT H i ng qu n tr
- TSC Tài s n c nh
- C phi u C phi u Công ty C ph n Procimex Vi t Nam
- i u l i u l T ch c và ho t ng Công ty C ph n Procimex Vi t Nam
- CBCNV Cán b công nhân viên
- GTGT: Giá tr gia t ng
- TNDN: Thu nh p doanh nghi p
- XNK: Xu t nh p kh u
- HC-NS: Hành chính nhân s

- CBGSGC: Ch bi n gia súc gia c m
- KCN: Khu công nghi p

IV. TÌNH HÌNH VÀ C I M C A T CH C NG KÝ GIAO D CH

1. Tóm t t quá trình hình thành và phát tri n

1.1. Gi i thi u v Công ty

- Tên Công ty: Công ty C ph n Procimex Vi t Nam
- Tên ti ng Anh: PROCIMEX VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
- Tên vi t t t: PROCIMEX
- V n i u l th c góp: 30.000.000.000 ng (Ba m i t ng)
- Tr s chính: Lô C1, Khu công nghi p D ch v Th y s n à N ng, ph ng Th Quang, qu n S n Trà, TP à N ng, Vi t Nam
- i n tho i: 0511. 3923 555
- Fax: 0511. 3923 758
- E-mail: procimex@dng.vnn.vn
- Website: www.procimex-fish.com.vn
- Logo c a Công ty:



PROCIMEX
EU CODE : DL131

- Gi y ch ng nh n KKD: S 0400100506 do S K ho ch và u t thành ph à N ng c p l n u ngày 02/01/2008, ng ký thay i l n th 2 ngày 11/06/2013.
- Ngành ngh kinh doanh c a Công ty:
 - Ch bi n, b o qu n th y s n và các s n ph m t th y s n
 - Ch bi n, b o qu n th t và các s n ph m t th t
 - Bán buôn v t li u, thi t b l p t khác trong xây d ng
 - Bán buôn th c ph m: hàng th y s n, súc s n, nông s n
 - Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy nông nghi p
 - Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy ng nghi p
 - V n t i hàng hóa b ng ng b
 - ào t o ngh ng nh n
 - Cung ng và qu n lý ngu n lao ng: a ng i lao ng và chuyên gia Vi t Nam i làm vi c có th i h n n c ngoài

- Sản xuất hàng nông sản. Kinh doanh phân bón và hàng tiêu dùng. Dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ công nghệ và bảo quản các sản phẩm nông sản.
- Ngày trở thành công ty cổ phần: Ngày 05/08/2008

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam tiền thân là Công ty Kinh doanh chế biến hàng xuất nhập khẩu Đà Nẵng. Trước đây Công ty Kinh doanh chế biến hàng xuất nhập khẩu Đà Nẵng là xí nghiệp chăn nuôi và chế biến gia súc, trước thuộc Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Nam Đà Nẵng.

Năm 1990, Xí nghiệp chăn nuôi và chế biến gia súc tách ra khỏi Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Nam Đà Nẵng và đổi tên là Xí nghiệp chế biến thực phẩm nông sản xuất khẩu, là đơn vị hạch toán độc lập thuộc Sở Thương mại Quảng Nam Đà Nẵng theo quyết định số 311/QĐ-UB ngày 08/03/1990 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quảng Nam Đà Nẵng.

Năm 1992, Xí nghiệp đổi tên và chuyển đổi thành Công ty Kinh doanh chế biến hàng xuất nhập khẩu Đà Nẵng theo quyết định số 766/QĐ-UB ngày 11/03/1992 của UBND Thành phố Quảng Nam Đà Nẵng.

Năm 1994, Xí nghiệp đổi tên thành Công ty Kinh doanh Chế biến hàng Xuất nhập khẩu Đà Nẵng theo quyết định số 725/QĐ-UB ngày 24/04/1994 của UBND Thành phố Quảng Nam Đà Nẵng, trước thuộc sở quản lý của Nhà nước do Sở Thương mại cấp giấy phép kinh doanh số 03/11/1016 ngày 01/01/1994.

Năm 2007, Công ty Kinh doanh Chế biến hàng Xuất nhập khẩu Đà Nẵng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203001785 cấp lần đầu ngày 02/01/2008.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

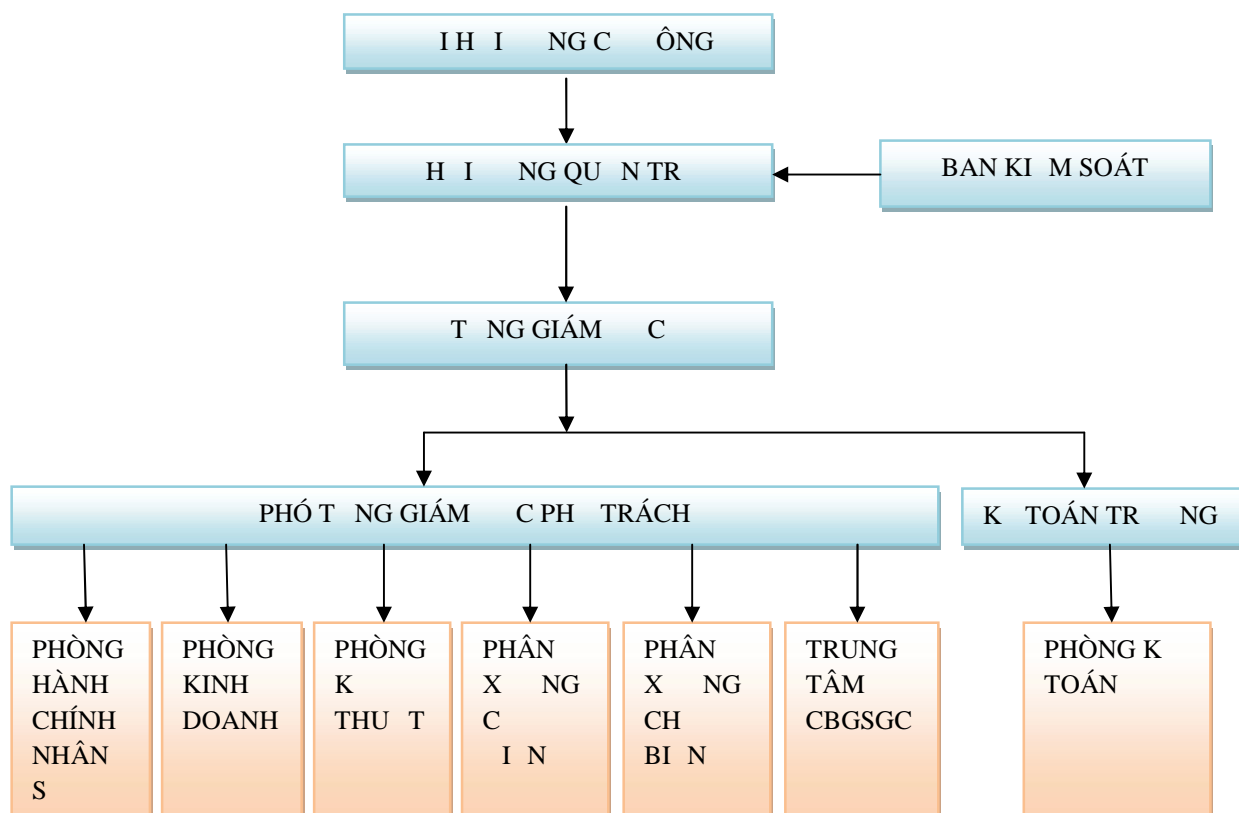
Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, súc sản, nông sản. Kinh doanh nông nghiệp và phân bón và hàng tiêu dùng. Dịch vụ gia công chế biến các sản phẩm thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ công nghệ và bảo quản các sản phẩm nông sản. Kinh doanh vận tải hàng hóa. Đào tạo nghề nông nghiệp: nông nghiệp và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn nước ngoài.

Vốn đầu tư: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Công ty chấp hành theo pháp luật Việt Nam.

2. Cấu trúc, bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam cấu trúc và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và điều lệ Công ty đã được đăng ký công bố công khai thông qua.

S 1: Cấu trúc bộ máy quản lý Công ty



hội đồng

hội đồng là cơ quan quy định cao nhất của Công ty gồm tất cả các ông có quyền biểu quyết, hợp pháp nhất của Công ty. Hội đồng quy định nội dung và Luât pháp và điều Công ty quy định. Hội đồng thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quy định nội dung liên quan đến các ích, quyền lợi của Công ty, trình nội dung thực hiện quy định của hội đồng. Hội đồng có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và nội dung nghiệp vụ khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng do Điều lệ Công ty quy định. Hiện tại Hội đồng Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam có 05 thành viên, có nhiệm kỳ 5 năm.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Hội đồng, do Hội đồng bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát nội bộ hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát hoạt động phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chịu sự giám sát quy định của công việc của Tổng Giám đốc quy định và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và nội bộ của Công ty.

Phòng Kinh doanh:

Chức năng: Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý thu mua - sản xuất - kinh doanh xuất nhập khẩu, tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa nhằm mục đích sinh lợi cao nhất cho Công ty.

Nhiệm vụ:

- Mở rộng quan hệ với các cá nhân, các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề nhằm và xây dựng giá mua nguyên liệu, thành phẩm, công nghệ thu hút nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.
- Thực hiện công tác tiếp thị, mở rộng quan hệ với khách hàng trong và ngoài nước nhằm đem lại lợi ích cho các mặt hàng thương mại.
- Thực hiện thống kê số liệu phát sinh về hàng hóa xuất nhập, chính xác, kịp thời phục vụ cho lĩnh vực chuyên môn của phòng và sự chỉ đạo của Ban Giám đốc.
- Quản lý, theo dõi lượng hàng trong các kho thành phẩm nhập khẩu và xuất nhập hàng hợp lý.
- Quản lý và nhập khẩu phế phẩm từ các Công ty hoặc nhập khẩu phế phẩm từ nước ngoài hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất - tiêu thụ - tiếp thị hàng tháng, quý, năm nhằm nâng cao sản lượng sản xuất và đem lại lợi ích cho công ty.
- So sánh các vận hành kinh tế và theo dõi thực hiện việc giao nhận hàng hóa phù hợp với Hợp đồng đã ký.
- Phát hành kịp thời các lệnh yêu cầu sản xuất, các hợp đồng kinh tế, thị hiếu giao hàng,... cho các đơn vị có liên quan tiến hành triển khai ban hành các quy trình, tiêu chuẩn theo yêu cầu của hợp đồng và khách hàng. Đảm bảo tính kịp thời và chính xác của sản phẩm và số lượng hàng hóa. Kiểm tra và giám sát sản xuất nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới, các mặt hàng mới.

Phòng Kế toán:

Chức năng: giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trên lĩnh vực quản lý vốn - tài sản và hạch toán kế toán thống kê trong phạm vi toàn Công ty công nghệ trong hợp tác, liên doanh liên kết,... theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành của Nhà nước.

Nhiệm vụ:

- Thường xuyên quan hệ với các ngân hàng để mở nguồn vốn vay mới nhằm hỗ trợ đầu tư và hoạt động, kết hợp tích cực cho sản xuất kinh doanh.
- Quan hệ chặt chẽ với các Cơ quan Ban ngành có liên quan, tranh thủ nguồn vốn vay ưu đãi của Nhà nước và lãi suất thấp để phục vụ cho công tác đầu tư – nâng cấp nhà xưởng, máy móc thiết bị công nghệ bổ sung nguồn vốn vay mua nguyên liệu.
- Xây dựng kế hoạch giá thành sản phẩm, kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận theo từng thời kỳ quý, năm,...
- Thực hiện đúng nguyên tắc và chức năng quản lý tài chính của Nhà nước. Ghi chép sổ sách đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời toàn bộ tài sản, vốn, tài khoản, ... phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Quản lý chặt chẽ việc thu chi tài chính trong phạm vi toàn Công ty, thực hiện tốt việc cân đối, ưu tiên nguồn tài chính hoạt động phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nhân viên kế toán đánh giá toàn bộ tài sản, vốn, hàng hóa trong Công ty và sản xuất hàng xuất lý (nội có). Kiểm tra và tích cực thu hồi các khoản nợ, nhằm hạn chế thất thoát dây dợm, khó đòi.
- Thường xuyên cân đối, tính toán nhập xuất các khoản thu, theo dõi thanh toán đúng hạn các khoản vay và thanh lý đúng Hợp đồng kinh tế cho khách hàng.
- Thực hiện đúng thẩm quyền báo cáo, quy toán tháng, quý, năm theo đúng quy định.
- Quy định và tổ chức hàng định kỳ họp kiểm toán hàng tháng trong toàn Công ty, đồng thời phân bổ và thực hiện kịp thời các quy định của Nhà nước công tác kiểm toán hàng tháng.
- Kết hợp với Phòng HC-NS xây dựng giá trị nội dung, lập bảng thanh toán trị giá hàng tháng. Tổng hợp trị giá toàn Công ty để tính bình quân, giúp Tổng Giám đốc có cơ sở ưu tiên cho phù hợp trị giá thực tế trong phạm vi toàn Công ty.
- Cùng với Phòng HC-NS tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc bố trí, sắp xếp nhân sự đúng theo sự phân công, nhiệm vụ, nhằm phát huy tốt chuyên môn nghiệp vụ của từng cá nhân, đồng thời nâng cao và hạn chế tối đa những thiệt hại không đáng xảy ra.
- Có nhiệm vụ xây dựng nội bộ hoàn chỉnh, đồng thuận, trung thực hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Ngoài những nhiệm vụ nêu trên, Phòng Kế toán phải thực hiện tốt các quy định về Luật kế toán và các chủ trương kế toán của Nhà nước.

Phòng Hành chính – Nhân sự :

Chức năng: Phòng HC-NS có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc về công tác tổ chức nhân sự, lao động trị giá, hành chính quản trị và thực hiện các Chính sách của Nhà nước quy định về việc tuyển dụng; đồng thời ưu tiên hành động công việc chung của Công ty.

Nhiệm vụ :

- Theo dõi vi c s p x p b máy t ch c, xem xét n ng l c, trình b trí, b t, i u ng nhân s và tình hình t ng gi m lao ng, n ng su t lao ng, nh m s d ng lao ng m t cách có hi u qu nh t.
- Xây d ng k ho ch ào t o, b i d ng nhân s ng ch c, ng n h n, dài h n và i ng nhân s k th a ph c v lâu dài cho Công ty.
- Nh n và x lý thông tin m t cách nhanh nh t, k c công v n i và n; Theo dõi vi c ch p hành và t ch c th c hi n các ch chính sách theo quy nh hi n hành c a Nhà n c và Công ty v lao ng ti n l ng, tuy n d ng và ch m d t h p ng lao ng, chuy n công tác, ngh m t s c, ngh h u,...
- Th c hi n vi c i u ch nh l ng, nâng b c l ng h ng n m cho lãnh o – Nhân viên có i u ki n nâng b c l ng, xu t v i Giám c và H i ng l ng Công ty.
- T ch c các bi n pháp phòng h lao ng, ki m tra th c hi n b o h lao ng, an toàn lao ng, phòng ch ng cháy n , mua b o hi m tai n n, b o hi m y t , b o hi m xã h i theo úng quy nh.
- Th c hi n nghiêm túc công tác hành chính qu n tr , v n th l u tr , t ch c ph c v t t các cu c H i ngh , ti p khách và công tác t p v , v sinh C quan.
- Theo dõi vi c phân công tr c Ban, t ch c t t m ng l i b o v C quan và tài s n an toàn tuy t i.
- Th ng xuyên quan h ch t ch v i các Ngành ch c n ng làm các th t c cho lãnh o - Nhân viên Công ty i công tác n c ngoài và khách n c ngoài n làm vi c v i Công ty.
- K th p v i Công oàn, oàn TNCS H Chí Minh phát ng phong trào thi ua, giúp T ng Giám c, H i ng Thi ua khen th ng t ng k t phong trào thi ua c a Công ty.
- K th p v i các n v qu n lý t t d ng c lao ng, thi t b v n phòng.
- Có trách nhi m xây d ng n i b oàn k t, trong s ch v ng m nh hoàn thành t t nhi m v c giao.

Phòng K thu t - Qu n lý Ch t l ng:

Ch c n ng:

- Tham m u, giúp vi c cho Ban Giám c v các l nh v c liên quan n ch t l ng s n ph m, nh m c ch bi n, quy trình s n xu t các m t hàng m i, các m t hàng có giá tr gia t ng trong ph m vi toàn Công ty.
- Xây d ng, tri n khai, giám sát và ki m tra vi c th c hi n quy trình s n xu t, quy nh s n xu t, i u ki n s n xu t c a Phân x ng Ch bi n và ch t l ng s n ph m trên ph m vi toàn Công ty.
- ánh giá và l a ch n các nhà th u ph cung c p hàng hóa và nguyên li u cho các Xí nghi p, ki m tra vi c th c hi n các ch ng trình qu n lý ch t l ng HACCP, ISO trong ph m vi c phân công.

Nhiệm vụ :

- Tham gia xuyên liên hệ với Phòng Kinh doanh nhằm bố trí các Hợp đồng, quy trình sản xuất, yêu cầu của khách hàng, thời gian giao hàng xây dựng, bổ sung, sửa đổi và ban hành cho các Phòng ban, phân xưởng theo các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật cho phù hợp.
- Tham gia, xem xét, góp ý các dự án đầu tư nâng cấp, xây dựng các cơ sở vật chất đi kèm nhằm nâng cao chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Chấp hành, ứng dụng các phương pháp, chế độ trình quản lý chất lượng tiên tiến, khoa học vào thực tế. Kết hợp với phòng Kinh doanh nghiên cứu, tổ chức sản xuất theo các mặt hàng mới, mặt hàng có giá trị gia tăng nhằm đa dạng hóa các mặt hàng của Công ty và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.
- Bảo quản, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát chất lượng mà nhân viên quản lý.
- Kết hợp chặt chẽ với Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất và Ban điều hành phân xưởng chế biến kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật, quy định, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh cá nhân, bảo hộ lao động, an toàn lao động trên từng công đoạn tại khâu tiếp nhận nguyên liệu cho đến thành phẩm cuối cùng như pakho, bảo quản và xuất hàng kịp thời chính xác nhất để sản xuất x y ra. Nói chung, Phòng Kiểm tra - quản lý chất lượng chịu trách nhiệm giám sát trực tiếp trên từng công đoạn của dây chuyền sản xuất và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm cuối cùng.
- Tham gia xuyên kiểm tra, ôn tập, chính xác việc thực hiện các chế độ trình quản lý chất lượng theo HACCP, chế độ trình sản xuất sạch hơn, tiêu chuẩn ISO ứng dụng thực tế và có hiệu quả.
- Chấp hành hàng ngày các kiểm tra từng công đoạn phân công; bán thành phẩm cần lên khuôn (đi vào hàng block); thành phẩm đóng gói (đi vào hàng IQF). Biên bản kiểm tra thể hiện rõ các chỉ tiêu, thông số theo biểu mẫu và có các chỉ ký của KCS, KCS trực Ca Phân xưởng, Quản lý phân xưởng và có ý kiến đánh giá từng quan lô hàng, nhân hàng sản xuất trong ngày.
- Kịp thời báo cáo cho Ban Giám đốc nhân viên lô hàng có sự cố về chất lượng, nhằm có chế biến, nâng cao trình độ kỹ thuật về phạm vi các quy định, quy trình sản xuất, nâng cao ý thức phát sinh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm kịp thời xử lý, chính xác.
- Kiểm tra cảm quan, vệ sinh, kháng sinh nhân viên lô hàng mua ngoài nhân viên Công ty có nhu cầu.
- Kiểm tra vệ sinh, kháng sinh hàng ngày: Nguyên liệu các nhân viên cung cấp, bán thành phẩm trên các công đoạn, thành phẩm sau cùng theo từng nhân hàng, mặt hàng. Vệ sinh công nghiệp, nhân viên, nhân viên áp dụng theo kế hoạch kiểm tra vệ sinh, kháng sinh nhân viên của Phân xưởng.

- C p nh t k t qu ki m vi sinh, kháng sinh th hi n y các ch tiêu, có ý ki n k t lu n t ho c không t (theo TCVN, T/C khách hàng,...). Báo cáo, phân tích nguyên nhân nh ng lô hàng b nhi m (n u có) và xu t Ban Giám c x lý, ch n ch nh k p th i.
- Theo dõi, c p nh t chính xác nh ng s li u, thông s k thu t nh ng công o n nh h ng l n n nh m c ch bi n k p th i ch n ch nh.
- Quan h t t v i khách hàng, t o i u ki n thu n l i khi khách hàng n tham quan, ki m hàng, ho c h ng đ n quy trình s n xu t.

Phân x ng c i n:

Ch c n ng: Tham m u, giúp vi c cho Ban Giám c trong công tác u t m i, nâng c p s a ch a máy móc, trang thi t b , nhà x ng trên ph m vi toàn Công ty.

Nhi m v :

- B o qu n, v n hành, s a ch a th ng xuyên máy móc thi t b , nhà x ng m b o ph c v t t cho quá trình s n xu t.
- L p k ho ch th i gian và đ trù , đ toán chi phí cho vi c s a ch a l n, trung i tu máy móc, trang thi t b , nhà x ng.
- Tham gia xây đ ng các đ án u t , nâng c p và quan h các Ban ngành có liên quan hoàn thành các th t c Pháp lý v công tác u t xây đ ng c b n.
- Giám sát v tiêu chu n k thu t và ch t l ng thi công các công trình u t mua s m máy móc, trang thi t b , xây đ ng c b n. ng th i k t h p v i Phòng K toán th c hi n quy t toán khi các công trình u t hoàn thành.
- Giúp Ban Giám c xem xét th m tra v giá và tiêu chu n k thu t trong các H p ng Kinh t mua s m máy móc, trang thi t b và xây đ ng c b n.
- Có nhi m v xây đ ng n i b oàn k t, trong s ch th c hi n hoàn thành nhi m v c giao.
- Ngoài nh ng nhi m v nêu trên, khi c n thi t Ban Giám c s phân công thêm nh ng nhi m v c th khác.

Phân x ng ch bi n:

- Qu n c phân x ng Ch bi n có trách nhi m ch o, qu n lý, i u hành m i ho t ng c a phân x ng theo ch c n ng, nhi m v c giao sao cho t c n ng su t, ch t l ng và hi u qu sinh l i cao nh t.
- Có trách nhi m s p x p b máy tính g n, hi u qu nh m phát huy h t n ng l c c a t ng cá nhân, xây đ ng n i b oàn k t, th ng nh t trong ý chí và hành ng góp ph n hoàn thành nhi m v c giao.
- Tham m u t t cho Ban Giám c Công ty v t t c các m t ho t ng thu c ph m vi mình qu n lý, do v y ph i nghiên c u, xu t ý ki n nh m phát huy nh ng m t m nh, kh c ph c nh ng m t còn h n ch y u kém trên m i lãnh v c nh m không ng ng nâng cao hi u su t qu n lý và hi u qu sinh l i.

- Các quy định thay đổi Tờng Giám đốc ghi quy định các công việc liên quan trách nhiệm giao.
- Thay đổi Ban Giám đốc phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo – nhân viên thu cấp phẩm vật quản lý hoàn thành nhiệm vụ giao.

Trung tâm CBGSGC:

Nhiệm vụ: Trung tâm CBGSGC là đơn vị có nhiệm vụ thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty giao, có nghĩa vụ đóng góp thu nhập, ý kiến và ngân sách nhà nước và có nghĩa vụ ưu tiên thu nhập của Công ty (có quy định). Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm toàn diện và phát triển văn hóa nhân viên. Nhiệm vụ của Trung tâm như sau:

- Trung tâm có trách nhiệm đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, vệ sinh trong hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản và thời gian lưu trữ nguyên liệu gia súc, gia cầm.
- Trung tâm có nhiệm vụ kiểm tra phát hiện các loại bệnh dịch nguyên liệu gia súc, gia cầm. Ngoài sự kiểm tra của chuyên ngành thú y, nhân viên còn bố trí cán bộ thú y KCS thực hiện kiểm tra đảm bảo công tác phát hiện bệnh dịch cao nhất.
- Trung tâm có trách nhiệm chia sẻ thị trường nguyên liệu khách hàng khi phát hiện dịch bệnh phải tiêu hủy sản phẩm. Khi Trung tâm thực hiện nghĩa vụ chia sẻ thị trường nguyên liệu khách hàng phải đảm bảo các thủ tục pháp lý như: biên bản xác nhận sản lượng, giá trị của gia súc, gia cầm tiêu hủy, có ý kiến ký cấp các quan thú y, khách hàng và Giám đốc Trung tâm.
- Trung tâm phải bố trí các điều kiện phục vụ cho các hoạt động chế biến và dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

Chức năng:

- Trung tâm thực hiện thu mua và chế biến các sản phẩm gia súc, gia cầm xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.
- Trung tâm thực hiện các dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo chỉ thị của UBND Thành phố Hà Nội, dịch vụ cấp đông, bảo quản các sản phẩm gia súc, gia cầm và dịch vụ cho thuê kho tàng, chuồng trại.

3. Danh sách công nợ ngắn hạn 5% và nợ phải trả Công ty, các công nợ và tài sản ngắn hạn.

3.1 Danh sách công nợ ngắn hạn 5% và nợ phải trả Công ty tính đến hết ngày 06/06/2014

STT	Tên công nợ	KKD	Địa chỉ	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Công ty TNHH Mua bán Vật tư Nam	106000093	51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.650.700	55,02%

Nguồn: Danh sách công nợ do Trung tâm lưu ký kế toán Vật tư Nam cung cấp

3.2 Các công nợ của Công ty tính đến hết ngày 06/06/2014

Công	Số công	Số công phần (CP)	Tỉ (%)
I. Công trong nước	116	3.000.000	100,00
* Cá nhân	115	1.349.300	44,98
* Tổ chức	1	1.650.700	55,02
II. Công ngoài nước	0	0	0
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0
Tổng	116	3.000.000	100

Nguồn: Danh sách công do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp

Danh sách công sáng lập:

S TT	Tên công	Nội vị cá nhân hoặc chính vị tổ chức	Số phần
1	Công ty TNHH Mua bán Việt Nam (trước đây là Công ty mua, bán và tài sản công của doanh nghiệp)	51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.650.700
2	Nguyễn Thị Mỹ	118 Trần Phú, quận Hai Châu, thành phố Hà Nội	3.100
3	Nguyễn Quang Trung	124/4 Lý Thái Tổ, quận Hai Châu, thành phố Hà Nội	50.000

Nguồn: Giấy chứng nhận KKD thay đổi nội dung ngày 4/12/2012

Công ty đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 02 tháng 01 năm 2008, theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện tại và pháp luật thông tin của các công sáng lập đã hết thời hạn chuyển nhượng.

4. Danh sách Công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, trong Công ty mẹ và tổ chức đăng ký giao dịch đang niêm yết quy định kiểm soát hoặc phần chi phí, danh sách công ty mẹ quy định kiểm soát hoặc phần chi phí nội vị tổ chức đăng ký giao dịch.

4.1. Công ty mẹ của Tổ chức đăng ký giao dịch

CÔNG TY TNHH MUA BÁN N VI T NAM

Địa chỉ: 51 Quang Trung – Hai Bà Trưng - Hà Nội

Số điện thoại: 844-394.54.738

Website: www.datc.vn

Giấy KKKD: 0101431355 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở KH& T TP. Hà Nội cấp ngày 29 tháng 4 năm 2014

Vốn đầu tư: 2.481.000.000.000

(Số chữ: Hai nghìn bốn trăm tám mươi mốt triệu)

Ngành nghề kinh doanh:

- Mua các khoản nợ và tài sản nợ của doanh nghiệp (bao gồm tài sản và quy định nợ tài sản nợ cho các khoản)
- Tiếp nhận xử lý các khoản nợ và tài sản nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển nhượng doanh nghiệp nhà nước.
- Xử lý các khoản nợ và tài sản nợ mua, tiếp nhận theo quy định.
- Tư vấn, môi giới xử lý nợ và tài sản nợ.



Tính đến thời điểm 06/06/2014, Công ty TNHH Mua bán N Vi t Nam đang nắm giữ 55,02% vốn thành góp của Công ty cổ phần Procimex Vi t Nam.

4.2. Các công ty con của tập đoàn ký giao dịch

Tính đến thời điểm lập báo cáo ký giao dịch, Tập đoàn ký giao dịch không có công ty con; công ty mà tập đoàn ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có phần chi phí.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được chia thành 02 nhóm bao gồm: Kinh doanh các sản phẩm vật tư và dịch vụ gia công, gia súc, gia cầm.

Hình ảnh sản phẩm của Công ty



Cá ng s c d a



Cá ng



Cá ng óng h p



Cá ng quéo



Cá ng quéo



Cá ng quéo

❖ **S n l ng s n ph m/d ch v qua các n m:**

Ch tiêu	N m 2011	N m 2012	N M 2013
S n ph m cá các lo i (t n)	806,3	891,8	470
D ch v gi t m (con)			
- DV gi t m heo	303.427	329.811	356.805
- DV gi t m bò	9.036	9.129	14.537
- DV gi t m gia c m	312.770	274.750	307.311

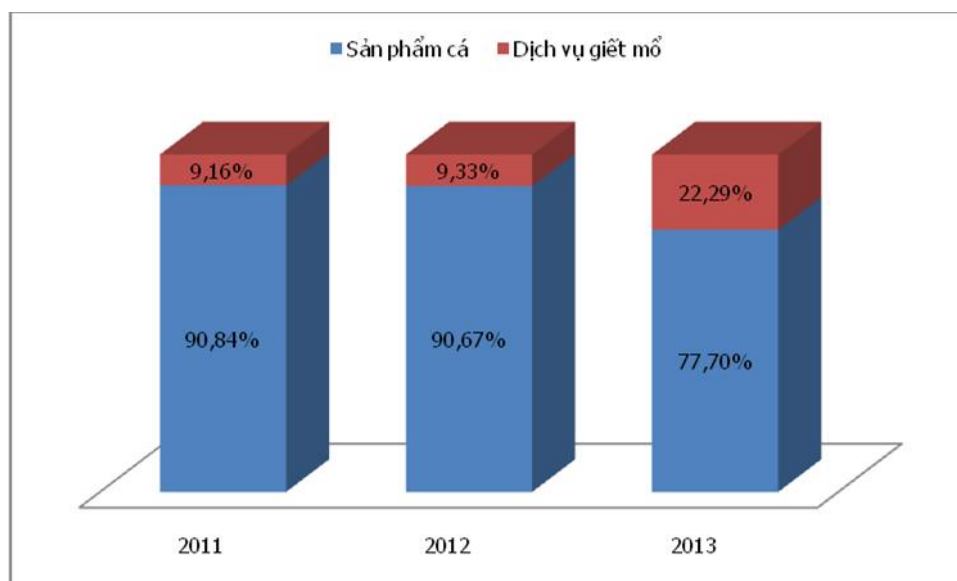
Ngu n: Procimex

❖ **C c u doanh thu thu n c a Công ty:**

Ch tiêu	N m 2011		N m 2012		N m 2013	
	Giá tr (tri u ng)	T tr ng (%)	Giá tr (tri u ng)	T tr ng (%)	Giá tr (tri u ng)	T tr ng (%)
S n ph m cá các lo i	65.236	90,84	96.979	90,67	40.284	77,70
D ch v gi t m	6.575	9,16	9.975	9,33	11.560	22,29
T ng c ng	71.811	100	106.955	100	51.844	100

Ngu n: Procimex

Biểu đồ 1: Cơ cấu doanh thu qua các năm



Chỉ m t tr ng l n nh t trong c c u doanh thu c a Công ty là các s n ph m v cá, bao g m cá ng và cá ng quéo, trong ó cá ng chi m t l l n trong c c u các s n ph m v cá. Các s n ph m v cá mang l i giá tr doanh thu ch y u cho Công ty khi chi m t tr ng bình quân 90% qua các n m 2011-2012, nh ng có xu h ng gi m t tr ng trong n m 2013 do nh h ng c a vi c Trung Qu c c n tr c m ánh b t cá trên vùng bi n quanh qu n o Hoàng Sa và Tr ng Sa c a Vi t Nam và th tr ng tiêu th gi m do EU ki m soát ngu n g c ánh b t h i s n. Ngoài s n xu t và ch bi n các s n ph m cá, Công ty phát tri n thêm d ch v gi t m gia súc, gia c m. Ho t ng này chi m t l trên 9% trong 2 n m 2011, 2012, và 22,29% trong n m 2013.

❖ **C c u l i nh u ng p c a Công ty:**

Ch tiêu	N m 2011		N m 2012		N m 2013	
	Giá tr (tri u ng)	T tr ng (%)	Giá tr (tri u ng)	T tr ng (%)	Giá tr (tri u ng)	T tr ng (%)
S n ph m cá các lo i	4.440	61,72	6.486	57,03	3.813	34,31
D ch v gi t m	2.754	38,28	4.887	42,97	7.300	65,69
T ng c ng	7.194	100	11.373	100	11.113	100

Ngu n: Procimex

❖ **K ho ch phát tri n kinh doanh**

Ch tiêu	n v	Th c hi n 2013	K ho ch 2014	T ng tr ng (%)
I. S n l ng tiêu th				
1. Ch bi n th y s n	T n	470,0	964,0	205
2. D ch v gi t m	Con			

- D ch v gi t m heo	Con	356.805	367.500	103
- D ch v gi t m bò	Con	14.537	15.000	103
- D ch v gi t m gia c m	Con	307.311	316.500	103
II. Doanh thu	T ng	52,46	71,43	136
1. Ch bi n th y s n	T ng	40,49	59,12	146
2. D ch v gi t m	T ng	11,97	12,31	103
III. L i nhu n tr c trích l p d phòng và thu TNDN	T ng	6,88	6,0	87

N m 2014, Công ty có k ho ch c i t o và m r ng ho t ng kinh doanh nh sau:

- T i nhà máy ch bi n hàng th y s n: u t c i t o, s a ch a các h ng m c nhà x ng, thi t b ...v i h n m c u t 500.000.000 ng t ngu n v n t có c a Công ty.
- T i Trung tâm CBGSGC à N ng: u t c i t o, xây d ng h th ng x lý n c th i và các h ng m c khác liên quan: 4,5 n 5 t ng t ngu n v n t có, v n h tr t Nhà n c, v n vay.
- Ph ng án u t phân x ng s n xu t hàng th y s n m i: C n c i u ki n th c t trong n m 2014, Công ty xem xét xúc ti n l p ph ng án u t xây d ng phân x ng s n xu t hàng th y s n m i nh m r ng và t ng n ng l c s n xu t, báo cáo c ông phê duy t th c hi n.

5.2. Nguyên v t li u:

❖ *Ngu n nguyên v t li u:*

Cá ng quéo, cá ng là nguyên li u chính trong ho t ng ch bi n th y s n xu t kh u c a Công ty. Xác nh nguyên li u là y u t s ng còn c a doanh nghi p, nên khi nh ng chi c tài ánh b t xa b v a c p b n, b ph n thu mua c a Công ty ã túc tr c t i c u c ng (C ng cá Th Quang). Bình quân m i ngày, b ph n thu mua c a Công ty c ng chuy n v x ng 15 - 20 t n cá ng nguyên con. Nh v y ho t ng ch bi n c a Công ty khá n nh. m b o ngu n cung nguyên li u, Công ty ã xây d ng m ng l i thu mua t i nhi u a ph ng khu v c mi n Trung ch không ch C ng cá Th Quang. t k ho ch ch bi n kho ng 30 t n s n ph m/tu n, m i ngày Công ty ph i mua ít nh t 20 t n nguyên li u. Tính ra, t ngày ra quân u n m n nay, Công ty ã thu mua h n 200 t n cá ng .

Nguyên v t li u ph c a Công ty là bao bì, PE, nh a, hóa ch t,...dùng ph c v cho vi c b o qu n, óng thùng các s n ph m.

❖ *nh h ng c a giá c nguyên v t li u n ho t ng kinh doanh:*

Do chi phí nguyên li u là cá ng quéo, cá ng chi m t tr ng l n trong chi phí s n xu t kinh doanh nên khi có s bi n ng c a giá c nguyên v t li u u nh h ng n k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty. Trong tr ng h p giá bán không thay i, giá nguyên li u t ng s làm gi m l i nhu n và ng c l i.

5.3. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: 1.000 đồng

Chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Giá trị hàng bán	64.167.095	89,36	95.581.851	89,37	40.731.599	78,57
Chi phí tài chính	82.856	0,12	589.104	0,55	327.950	0,63
Chi phí bán hàng	1.187.144	1,65	3.111.711	2,91	1.654.334	3,19
Chi phí QLDN	3.742.784	5,21	7.936.983	7,42	8.486.571	16,37
Tổng cộng	69.179.879	96,33	107.219.649	100,24	51.200.454	98,75

Nguồn: Procimex

Tăng giá trị hàng bán/doanh thu thuần của Công ty năm 2013 giảm so với năm 2012 do một số nguyên nhân sau: (1) Năm 2012, Công ty trích lập dự phòng cho lô hàng bán trả lại vì nhiễm Histamine (Hiệu ứng dị ứng do dị ứng với một số loại thực phẩm do cơ thể tạo ra kháng thể gọi là Immunoglobuline E (IgE) chống lại các kháng nguyên loại protein có trong thực phẩm) làm tăng giá trị hàng bán trong kỳ là 1.453.977.686 đồng; (2) Năm 2013, Công ty tiếp tục chi phí nguyên vật liệu vào cho dòng sản phẩm cá ngừ ướp đông để phục vụ nhu cầu nguyên liệu vào với giá mua thấp.

Chi phí bán hàng năm 2012 tăng mạnh so với năm 2011 do tăng tăng giá trị doanh thu năm 2012. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012, 2013 tăng và tăng cao so với năm 2011 do Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 3,5 triệu đồng (năm 2013) và 3,4 triệu đồng (năm 2012), đây là khoản trích lập dự phòng cho khoản phải thu khó đòi 23,56 triệu đồng của ông Nguyễn Văn Minh và bà Bùi Thị Hòa – nguyên Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty.

5.4. Trình công nghệ

Trong những năm qua, nâng cao năng lực cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã không ngừng đầu tư tìm kiếm, bổ sung thiết bị máy móc thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Một số máy móc, thiết bị chính của Công ty như sau:

STT	Tên máy móc	Nguồn sản xuất	Công suất	Số lượng	Năm sản xuất
1	Hệ thống máy phát điện dự phòng	Nhật, TQ	230,250 kVA	02	2008
2	Hệ thống công trình thành phẩm	Nhật	05 máy nén khí công suất 252 KW	01	2007
3	Hệ thống hệ thống công nghệ nguyên liệu	Taiwan	40 tấn	01	2008
4	Hệ thống kho bao quặng thành phẩm	Việt Nam	150 tấn	01	2008
5	Máy hút chân không đóng gói	Taiwan		02	2003

STT	Tên máy móc	N c s n xu t	Công su t	S l ng	N m s n xu t
6	Máy rà kim lo i	Nh t		01	2001
7	Thi t b r a khay	EU		01	2008
8	H th ng kho b o qu n	Nh t	100 t n	01	2008
9	H th ng s n xu t á v y	Nh t	7,5 t n/ngày	02	2001
10	H th ng lò h i	Nh t		02	2001
11	H th ng n i h plu c (8 n i h p)	Nh t	2 t n/h	01	2007
12	H th ng làm ngu i s n ph m	Nh t		01	2007
13	H th ng i u hòa trung tâm	Nh t		01	2007
14	H th ng x lý n c th i	Nh t		01	2006

5.5. Tình hình nghiên c u và phát tri n s n ph m

Hi n nay, s n ph m th y s n c a Công ty ch là nh ng s n ph m ch bi n thô ho c d ng bán thành ph m nên Công ty c ng ang nghiên c u a ra th tr ng m t s s n ph m ch bi n sâu h n nâng cao giá tr s m ph m, t o công n vi c làm cho ng i lao ng c ng nh t ng doanh thu bán hàng. Công ty ã và ang tìm hi u th tr ng, nhu c u c a khách hàng truy n th ng c ng nh khách hàng m i t ó xem xét n nguyên li u u vào, n ng l c s n xu t c a Công ty....c n thi t v n có th m i chuyên gia v t v n. Tr c m t, có th làm nh ng s n ph m giá tr gia t ng t nh ng s n ph m ã làm t i Công ty, sau ó có th phát tri n thêm nh ng s n ph m khác tùy thu c vào tình hình nguyên li u và nhu c u tiêu th c a khách hàng.

5.6 Tình hình ki m tra ch t l ng s n ph m

Hi n t i, Công ty ang áp d ng ch ng trình qu n lý ch t l ng HACCP. Vi c ki m tra ch t l ng s n ph m c th c hi n tr c ti p trên dây chuy n s n xu t và ch bi n, c th nh sau:

❖ *S n ph m cá ng quéo:*

CÔNG O N	THÔNG S K THU T	QUI TRÌNH CH BI N
TI P NH N NGUYÊN LI U	Kích c : gr/con 120 UP	<ul style="list-style-type: none"> - B ph n ki m tra ch t l ng (QC) ki m tra h s i lý cung c p nguyên li u, T khai i lý cung c p và t khai tàu cá. H s th hi n trong quá trình khai thác b o qu n và v n chuy n n nhà máy không s d ng hóa ch t b o qu n, ch dùng n c á xay và ph ng ti n b o qu n trong i u ki n v sinh s ch. - QC ki m tra tình tr ng v sinh ph ng ti n v n chuy n, d ng c b o qu n s ch. - QC ki m tra ph ng pháp b o qu n, tình tr ng á b o qu n, ki m ra nhi t nguyên li u < 5⁰C

		<p>- Nh p NL theo tiêu chí: cá t i t t, c th t s n ch c, không b rách da, d p c , tình tr ng p á t t.</p> <p>- Công nhân ti p nh n nh p nguyên li u úng qui cách size c và ch t l ng.</p>
R A NGUYÊN LI U	Nhi t n c r a :10 ÷ 15⁰C.	<p>- R a nguyên li u qua hai l n n c s ch có n c á l nh, nhi t n c r a: 10 ÷ 15⁰C.</p> <p>- Ph ng pháp r a đ i n c tr c ti p lên thân cá 2 l n</p> <p>L n th nh t: n c s ch qua x lý s ch t p ch t.</p> <p>L n hai: n c s ch qua x lý nguyên li u gi m s nhi m và phát tri n c a VSV.</p> <p>- Kh i l ng r a không quá 15 kg /s t/ l n</p> <p>- N c r a ch s đ ng m t l n.</p>
B O QU N NGUYÊN LI U		<p>+ D ng c b o qu n: S t nh a, Thùng nh a cách nhi t có l thoát n c.</p> <p>+ Nguyên li u sau khi c ti p nh n c a vào ánh v y, tr ng h p ánh v y không k p s c b o qu n l i.</p> <p>+ Cá c x p vào s t nh a, b ng úp xu ng, m t l p á v y bên đ i, m t l p cá, m t l p á cho n khi y s t, trên cùng là l p á v y.</p> <p>+ Ph ng pháp b o qu n b ng á v y:</p> <p>B o qu n nguyên li u trong thùng cách nhi t c tr i m t l p á bên đ i, các s t có NL c b o qu n c x p vào y thùng, phía trên cùng c ph l p á dày, y kín n p. Th i gian b o qu n không quá 24 gi .</p> <p>+ Ph ng pháp b o qu n b ng ông l nh:</p> <p>Cá sau khi b o qu n vào s t nh a c chuy n vào h m ch y ông. Nhi t ch y c p ông qu n c x p vào y thùng, phía trên cùng c ph l p á dày, y kín n p. Th i gian b o qu n không quá 24 gi .</p>
ÁNH V Y		<p>Th c hi n ánh v y ngay sau khi ti p nh n theo size nguyên li u nh p.</p> <p>- S đ ng đ ng c ánh v y chuyên dùng ánh s ch v y trên thân cá .</p> <p>- Dùng đ ng c chuyên dùng ki m tra v y còn sót l i</p> <p>- R a s ch ch t b n và v y dính sau khi ánh v y b ng n c á l nh, nhi t n c r a: 10 ÷ 15⁰C</p> <p>- Cá sau khi r a c x p vào s t nh a chuyên dùng , 01 l p á /01 l p cá / 01 l p á , m b o nhi t cá < 5⁰C</p>
FILLET		<p>- Cá tr c khi fillet c r a qua n c á l nh. Nhi t n c r a: 10 ÷ 15⁰C</p> <p>- Fillet: b ng dao chuyên dùng, cán nh a, tách x ng s ng t o thành hai m nh fillet. Vans s ch các mô liên k t ph n l ng, l n cá.</p> <p>- Trong quá trình fillet th ng xuyên dùng mút chuyên dùng lau s ch th t, khi th t b n i t ng cá gây b n ph i r a s ch th t tr c khi fillet ti p t c</p>

		<p>Dùng nhíp chuyên dùng lấy mẫu, kiểm tra không sót xương, cốt là xương bony.</p> <p>- Trong quá trình sản xuất miếng fillet luôn có bao quanh miếng không tiếp xúc trực tiếp với máy, mức nhiệt BTP < 5°C</p>
Phân size, Cân	<p>Size (gr/miếng)</p> <p>30/50, 50/80, 80/100, 100/120, 120/150, 150/200, 200UP</p>	<p>- Phân theo size (gr/miếng) 30/50, 50/80, 80/100, 100/120, 120/150, 150/200, 200UP</p> <p>- Cân tối thiểu 1kg/1 mẻ cân hoặc 2kg/1 mẻ.</p> <p>- Rửa cá: Chuẩn bị 02 chậu nước có nhiệt độ 5 ÷ 10°C. Cá sau khi cân rửa qua 02 lần nước sạch, ráo</p> <p>- Xếp mâm: Trải miếng PE xanh, sạch lên mâm, xếp miếng cá trên mâm theo size.</p>
C P ÔNG	<p>Thời gian chôn 60 phút</p> <p>Nhiệt độ: -40 ÷ -45°C.</p> <p>Thời gian cấp đông: 1 ÷ 1,5h.</p>	<p>- Vệ sinh sạch và vận hành tốt - 10°C trước khi xả hàng vào</p> <p>- Sản phẩm xếp vào mâm chuyên dùng cấp đông.</p> <p>Trong suốt thời gian xả hàng vào tải, vận hành duy trì nhiệt độ -1 ÷ -4°C xếp nhanh chuyển vào tải đông nóng, thời gian xả hàng vào tải không quá 60 phút</p> <p>- Sau thời gian 60 phút xả hàng vào tải không xả, thì đóng cửa tải, vận hành tiếp tục cấp đông.</p> <p>- Thời gian vận hành cấp đông cửa tải khoảng 1 ÷ 1,5h và nhiệt độ -40 ÷ -45°C.</p> <p>- QC kiểm tra tình trạng đông của sản phẩm, nếu sản phẩm tốt cho đóng vận hành tải và cho hàng xả tải bao gói đóng thùng.</p>
TÁCH KHAY M B NG BAO GÓI	<p>Nhiệt độ cấp đông: 0-2°C.</p>	<p>- Tách mâm bằng tay.</p> <p>- Mâm bằng nhôm inox để nguội.</p> <p>- Vệ sinh sạch khay mâm bằng</p> <p>- Chuẩn bị mâm bằng cho bốc tải. Nhiệt độ mâm bằng 0 – 2°C.</p> <p>- Rửa 1kg hoặc 2kg sản phẩm trong máy chuyên dùng cho xả qua băng tải chuyển và rung đãi với nước lạnh phun mâm bằng khoảng 1-3 giây</p> <p>- Xóc rửa cá cho ráo nước, xếp cá vào túi PE, hàn kín miếng bao.</p> <p>- Sản phẩm sau khi mâm bằng, miếng cá phải rửa, rửa miếng cá trên mâm bằng 5-10%.</p>
DÒ KIM LO I ÔNG THÙNG	<p>1kg/PE x 10 PE/Ctn.</p> <p>2kg/PE x 5 PE / Ctn.</p>	<p>- Vệ sinh máy dò kim loại, kiểm tra nhậy của máy với magnet 0,8mm</p> <p>- Cho từng gói sản phẩm qua máy dò kim loại phát hiện kim loại.</p> <p>- Cá cùng size, cùng qui cách xả dò kim loại vào mẻ thùng Ctn.</p> <p>- Sản phẩm cùng qui cách cho đóng thùng Ctn phù hợp. Loại 1kg/PE x 10 PE/ctn. Loại 2kg PE x 5 PE/ctn.</p> <p>- Ngoài thùng Ctn ghi rõ các thông tin phù hợp với sản phẩm bên trong, thông tin vận chuyển, ngày sản xuất và hạn sử dụng.</p>

B O QU N KHOL NH	Nhi t b o qu n: $-18 \pm 2^{\circ}\text{C}$. Th i gian b o qu n / : 24 tháng	- S n ph m sau khi c p ông bao gói c chuy n ngay vào kho l nh b o qu n. - Ki m tra nhi t b o qu n c a kho l nh b ng nhi t k t ghi. - Cách s p x p hàng trong kho úng n i qui nh.
XU T HÀNG		- QC ki m tra tình tr ng v sinh c a ph ng ti n v n chuy n. - V n hành ph ng ti n v n chuy n xu ng $-18 \div -2^{\circ}\text{C}$ tr c khi b c hàng Th c hi n ph ng pháp xu t hàng theo qui trình hàng vào tr c xu t tr c.

❖ *S n ph m cá ng :*

CÔNG O N	THÔNG S K THU T	THUY T MINH QUI TRÌNH CH BI N
TI P NH N NGUYÊN LI U	Kích c : 1,0 Kg Nhi t thân cá : $< 4,4^{\circ}\text{C}$ Ch t l ng nguyên li u: Cá ng t i, màu s c và mùi t nhiên	+ QC ki m tra h s cung c p nguyên li u bao g m: Phi u theo dõi nhi t BQNL c a tàu cá, t khai c a c a tàu cá, t khai c a ng i v n chuy n nguyên li u + QC ki m tra tình tr ng v sinh ph ng ti n v n chuy n, ph ng pháp b o qu n, d ng c b o qu n trong i u ki n v sinh s ch + QC ki m tra tình tr ng n c á b o qu n, nhi t bên trong thân cá + QC ki m tra c m quan i di n lô nguyên li u + Công nhân nh p nguyên li u theo cách l a t ng con phân lo i ch t l ng và kích c nguyên li u + Cân nguyên li u và ghi chép s theo dõi.
R A NGUYÊN LI U	Nhi t n c r a: $5 \div 10^{\circ}\text{C}$. N ng chlorine 5 $\div 10\text{ppm}$	+ R a nguyên li u qua hai l n n c ã qua x lý: L n th nh t: N c s ch có pha chlorine r a s ch t p ch t và gi m s nhi m và phát tri n c a VSV. L n hai: n c s ch r a s ch d l ng chlorine trên thân cá + R a b ng ph ng pháp d i n c tr c ti p trên thân cá, N c r a s ch và không s d ng l i l n hai.
B O QU N NGUYÊN LI U	T l n c á/nguyên li u: 1/1. Nhi t nguyên li u b o qu n: $< 4,4^{\circ}\text{C}$. Th i gian b o qu n tùy thu c vào ph ng pháp b o qu n.	+ D ng c b o qu n: Thùng nh a cách nhi t có l thoát n c. + Ph ng pháp b o qu n: - B o qu n p n c á v y: t l n c á: 1 kg nguyên li u/1 kg n c á. D ng c b o qu n: thùng nh a có l thoát n c, b o qu n m t l p cá m t l p n c á. Th i gian b o qu n không quá 24 gi . - B o qu n c p ông: làm l nh NL nhanh b ng ph ng pháp ch y c p ông trong h m ông, t ông, cá c treo r i t ng con, nhi t c p ông $-40^{\circ}\text{C} \div -45^{\circ}\text{C}$, nhi t

		tâm s n ph m NL t -20 ÷ -25 ⁰ C m i ra ông. B o qu n trong kho l nh, th i gian b o qu n trên 7 ngày n 12 tháng.
S CH	Không sót n i t ng và máu trong thân. Không còn sót ký sinh trùng. X thân	+ S d ng dao bén v t li u l i b ng thép không r , cán nh a. + Thao tác s ch : - Tách ph n l n riêng, tách b mang và n i t ng, lo i b ph n l n có ký sinh trùng. - C o s ch gân máu - Ki m tra và l y s ch ký sinh trùng trong ph n b ng cá. - X 02 bên thân theo size: 1÷2 kg/con ,x d c theo vi l ng và vi b ng size 2÷3 và i v i size 3÷4 kg/con thì x hông và x l ng, 4 kg up /con : x thân thành hai ph n l ng và b ng. + R a s ch máu cá sau khi s ch . + Ngâm cá vào n c s ch, nhi t n c ngâm 10 -15 ⁰ C, th i gian ngâm gian 15÷20 phút.
NGÂM	Nhi t n c ngâm 10-15 ⁰ C. Th i gian ngâm 15÷20 phút	- D ng c : Thùng nh a cách nhi t chuyên dùng. - N c ngâm s d ng 2 -3 l n thì thay n c
LU C	Nhi t n c lu c: 95 -100 ⁰ C Th i gian lu c: (phút) 1÷2 kg/con: 60 - 65 2÷-3 kg/con:70÷ 75 3÷4 kg/con: 85÷ 90 4 up/con (x ôi thân cá): 60 ÷ 65 Nhi t s n ph m sau lu c: > 70 ⁰ C trong th i gian ít nh t 1 phút	+ a xe ch a v lên ng ray. + X p cá vào v theo kích c t o s ng u và x p sát vào nhau trong v cá chín u. + X p ch ng v cá ch a x p lên v cá ã x p l n l t 10 v trên m t xe. + L ng gióng c u vào xe ã x p 10 v + Chu n b n c lu c trong b lu c chuyên dùng. + C ph i a nhi t n c lu c t 95 -100 ⁰ C . + Gi n c lu c tình tr ng sôi nh trong su t quá trình lu c, Nhi t n c lu c luôn t 95÷100 ⁰ C. + Chuy n cá vào n i lu c b ng t i i n i u khi n. + Ghi th i gian a cá vào và d ki n th i gian a cá ra vào b ng theo dõi.QC ki m tra các thông s v th i gian và nhi t vào bi u m u giám sát và ki m soát quá trình th c hi n. + Khi ã úng th i gian lu c d ki n, chuy n cá ra kh i b , ki m tra chín. + Lu c l i, n u ki m tra nhi t ch a t yêu c u và cá ch a chín.
LÀM NGU I	Nhi t bu ng làm ngu i 10-15 ⁰ C. Nhi t cá sau khi làm ngu i < 50 ⁰ C Th i gian làm ngu i	+ a cá qua bu ng làm ngu i trên ng ray chuyên dùng c ình. + óng kín toàn b các c a bu ng làm ngu i. + V n hành h th ng làm mát b ng n c l nh và h th ng

	30÷50 phút	<p>qu t y và qu t hút.</p> <p>+ Cá c làm ngu i b ng không khí ã c làm mát.</p> <p>+ Th i gian làm ngu i tùy thu c vào kích c c a cá 30÷50 phút. Nhi t cá sau làm ngu i nh h n 50⁰C .</p>
FILLET LOINS	<p>Fillet thành 4 pcs loins.</p> <p>Mi ng loins: s ch da, s ch x ng, s ch th t en</p>	<p>+ C o s ch l p da cá b ng dao chuyên dùng. C o s ch l p da en và màng da.</p> <p>+ Dùng tay g b x ng s ng tách cá thành 4 m nh th t d ng fillet loins.</p> <p>+ Dùng dao chuyên dùng l y s ch hoàn toàn th t en và th t b b m máu trên mi ng fillet. Thao tác c n th n không làm b mi ng fillet và thâm vào ph n th t tr ng.</p> <p>+ Làm s ch mi ng fillet l n hai: lo i b các ph n th t en, th t b m, da còn sót trên th t.</p> <p>+ Kì m tra x ng nh còn sót trên mi ng fillet và trong ph n th t b gãy ra trong quá trình fillet.</p>
PHÂN SIZE CÂN X P BAO	<p>Size:</p> <p>50÷100 gr/mi ng</p> <p>100÷300 gr/mi ng</p> <p>300 up gr/mi ng.</p> <p>Cân t nh: 5,1kg/PA</p>	<p>+ Phân size : S d ng cân 2kg phù h p, hi u ch nh cân tr c khi s d ng. Phân size theo qui nh.</p> <p>- Cho phép sai s : 10gr/mi ng.</p> <p>+ Cân: S d ng cân 12kg phù h p, hi u ch nh cân tr c khi s d ng. a bao PA vào khay chuyên dùng, l n l t x p cá vào bao PA, cá vào bao PA ph i n m khít trong khay, t c khay cá lên cân. Thao tác cân chính xác. Cân t nh 5,1 kg/PA.</p> <p>+ X p bao: trong quá trình x p cá ph i ph i s ch b t cá còn dính trên mi ng loins i u ch nh x p l i cá ã cân trong bao cho ph ng và phù h p quá trình hút chân không và óng gói.</p>
HÚT CHÂN KHÔNG	<p>Hút h t không khí trong bao</p> <p>Bao PA không th ng.</p> <p>Ghép mí kín</p>	<p>+ X p bao cá lên b ng t i c a máy hút chân không, i u ch nh mí ghép ngay ng n.</p> <p>+ Cài t thông s ghép mí và hút không khí phù h p v i bao s n ph m cá lu c 5,1kg.</p> <p>+ Lau s ch mi ng bao PE b ng kh n s ch kh trùng tr c khi ti n hành ghép mí và hút không khí.</p> <p>+ óng n p máy, v n hành.</p> <p>+ Khi hút và ghép mí xong máy t ng m n p, b ng t i ch y, s n ph m ra ngoài.</p> <p>+ QC kì m tra tình tr ng s n ph m sau hút chân không.</p>
C P ÔNG	<p>Nhi t c p ông: -40÷ -45⁰C.</p> <p>Th i gian c p ông :< 4h.</p> <p>Nhi t tâm s n ph m -20⁰C ± 2.</p>	<p>+ V n hành sang ch c p ông khi hàng y t , v n hành liên t c t nhi t - 40 ÷ - 45⁰C (ít h n 4 gi).</p> <p>+ QC m t kì m tra tình tr ng ông c a s n ph m</p> <p>+ Ng ng v n hành c p ông khi nhi t tâm s n ph m t -20⁰C ± 2.</p>
ÓNG THÙNG	20,4 kg / ctn	<p>+ a s n ph m ra kh i t . Tách bao ra kh i mâm.</p> <p>+ óng vào thùng carton: 4 bao cá cùng c /thùng.</p>

		+ Ghi y thông tin v s n ph m ngoài thùng , ph i ghi rõ ràng b ng m c không phai. Các thông tin ghi bên ngoài ph i ph n nh y s n ph m bên trong + Dán b ng keo trong áy và n p thùng.. + Ni n thùng b ng dây nh a chuyên dùng: 2 dây ngang.
B O Q U N K H O L N H	Th i gian b o qu n: 18 tháng. Nhi t b o qu n: -20± 2 ⁰ C.	+ M c a kho, chuy n thùng s n ph m vào kho qua máng tr c l n. + S p x p hàng trong kho theo tu n t ngày s n xu t. + óng c a kho ngay sau khi chuy n hàng vào ho c ra.
X U T H À N G		+ Ki m tra tình tr ng v sinh ph ng ti n v n chuy n. + V n hành phát l nh ph ng ti n v n chuy n gi m nhi t xu ng -18 ÷ -20 ⁰ C tr c khi b c hàng. + B c hàng theo trình t hàng vào tr c xu t tr c. * Ph ng ti n v n chuy n ph i t nhi t -18 ÷ -20 ⁰ C

5.7 Ho t ng marketing

Hì n t i, Công ty ang th c hi n các ho t ng marketing nh sau:

- Ti p th qua m ng internet, duy trì website www.procimex-fish.com.vn;
- Qu ng cáo trên m t s t p chí và website th ng m i th y s n qu c t ;
- Th c hi n các hình nh, CD, catalogue qu ng cáo;
- T n d ng m i i u ki n, ph ng ti n gi i thi u th m nh, kh n ng, s n ph m c a Công ty, chuyên nghi p hóa các khâu báo giá chào hàng;
- Chú tr ng c nh tranh thông qua nâng cao ch t l ng s n ph m, d ch v nh m th a mãn các yêu c u c a khách hàng, ây là y u t c b n m b o cho quá trình h p tác lâu dài gi a Công ty và các khách hàng.

5.8 Nhãn hi u th ng m i

Công ty ã c c p EU code DL 131 t ngày 08/07/2006, ã c c p ch ng nh n ng ký nhãn hi u hàng hóa cho th ng hi u “PROCIMEX” v i logo nh sau:



PROCIMEX

EU CODE: DL 131

5.9 Các hợp đồng nhập và xuất ký kết

STT	Tên hợp đồng	Tr giá	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/dịch vụ	Nhà sản xuất
1	Hợp đồng số 10/2013 PRO/FIL ngày 24/10/2013	360.345,6 USD	Tháng 12/2013	Cá ng	Israel
2	Hợp đồng số 11 PRO/YAM ngày 19/11/2013	78.220 USD	Tháng 12/2013	Cá ng quéo	Nh t
3	02/PRO/FIL ngày 13/02/2014	926.976 USD	2014	Cá ng	Israel
4	PRO-ABC-02RO314 ngày 10/03/2014	73.980USD	2014	Cá ng	Israel
5	04PRO/YAM	49.050 USD	2014	Cá ng	Israel
6	05PRO/HAM ngày 31/03/2014	50.117,50 USD	2014	Cá ng	Israel
7	PRO-ABC-03RO0314 ngày 07/04/2014	107.730 USD	2014	Cá ng	Israel

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt các chỉ tiêu và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	N m 2011	N m 2012	Tăng/giảm 2012 so với 2011	N m 2013	Tăng/giảm 2013 so với 2012
1	Tổng giá trị tài sản	43.106.139.948	50.558.284.312	17,29%	50.632.681.986	0,15%
2	Doanh thu thuần	71.811.325.065	106.955.793.826	48,94%	51.844.445.132	-51,53%
3	Lợi nhuận H KD	3.039.681.233	(8.897.143)	-	925.111.565	-
4	Lợi nhuận khác	(23.289.453)	127.492.053	-	1.478.247.045	1.059,48%
5	Lợi nhuận trước thuế	3.016.391.780	118.594.910	-96,07%	2.403.358.610	1.926,53%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.240.128.384	71.704.550	-96,80%	1.749.257.022	2.339,53%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế	66,96%	0	-	85,8%	-

Đơn vị tính: BCTC đã kiểm toán 2011, 2012 và 2013

Năm 2013, doanh thu thuần của Công ty giảm 51,53% so với năm 2012, tuy nhiên lợi nhuận của Công ty tăng so với năm 2012 do một số nguyên nhân sau: (1) Năm 2013 giá bán hàng bán của Công ty giảm đáng kể (tăng giá bán hàng bán/doanh thu thuần năm 2013 chỉ còn 78,57% so với tăng 89,37% trong năm 2012); (2) Năm 2013 Công ty hạch toán ghi nhận thu nhập khác và chi phí hoàn nhập phòng ngừa giảm giá hàng tồn kho 1,4 tỷ đồng do Công ty giảm phân thành công và các khách hàng chấp thuận mua lô hàng bù trừ lợi nhuận Histamine.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. *Những nhân tố thuận lợi*

- Là thành viên thuộc Hiệp Hội Chế Biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), được thành lập từ năm 1990, qua các năm hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu, PROCIMEX luôn phát triển và không ngừng lớn mạnh. Ngày hôm nay, PROCIMEX là một trong những nhà xuất khẩu các mặt hàng hải sản hàng đầu Việt Nam, sản phẩm của Procimex đã xuất hiện trên các thị trường chính như: EU, USA, ISRAEL, ALGERIA, ECUADOR, JAPAN...;
- Đội ngũ lãnh đạo Công ty là những cán bộ có trình độ quản lý kinh tế, chuyên môn cao, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chế biến thủy sản; đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật là những người có sức khỏe tốt, trình độ chuyên môn, tay nghề cao đáp ứng các yêu cầu công tác;
- Trang thiết bị máy móc, trình độ công nghệ của Công ty được đầu tư ngày càng hiện đại, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất và chất lượng sản phẩm.

b. *Những nhân tố khó khăn*

- Cuộc tranh chấp trong ngành chế biến thủy sản: Cùng với sự phát triển của các công ty chế biến thủy sản trong khu vực, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trong khâu thu mua nguyên liệu, mức giá xuất khẩu và tìm kiếm khách hàng trong khu vực hoạt động của Công ty;
- Do tính chất của ngành chế biến thủy sản nên nguồn nguyên vật liệu phức tạp sản xuất kinh doanh là hải sản, phụ thuộc nhiều vào thời vụ, đặc biệt là những khi thời tiết khí hậu thay đổi. Bên cạnh đó, những năm gần đây các doanh nghiệp chế biến thủy sản thường xuyên thiêu nguyên liệu do các thị trường nhân Trung Quốc mua giá thấp thu mua hải sản trên nhiều bàn khi nên cho hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn;
- Các nhân tố khác như: sự biến động của các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt về vấn đề sinh an toàn thực phẩm;
- Mức tiêu thụ thị trường giá kéo theo chi phí sản xuất đầu vào tăng.

7. *Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành*

7.1. *Vị thế của Công ty trong ngành*

Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam từ thân là Công ty Kinh doanh chế biến hàng xuất nhập khẩu hàng đầu. Với nhiệm vụ chuyên sản xuất và kinh doanh ngành Thủy hải sản, với đây chuyên công nghệ hiện đại, khép kín và đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề, nhiệm vụ kinh nghiệm, sản phẩm của Công ty được khách hàng tin tưởng và thị trường ngày càng mở rộng, thương hiệu PROCIMEX được công nhận tiêu dùng tín nhiệm.

Trong những năm qua, Công ty đã gặp không ít khó khăn do sự biến động của thị trường, nguồn nguyên liệu tăng ảnh hưởng tới sản phẩm ngày càng khan hiếm, giá nguyên vật liệu tăng làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Tuy nhiên, do kịp thời điều chỉnh, bổ sung những giải pháp hoạt động cùng với sự nỗ lực của các cán bộ công nhân viên nên Công ty đã vượt qua những khó khăn và đạt được những thành tựu đáng khích lệ.

7.2. **Triển vọng phát triển của ngành**

Ngày 22/11/2013, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký quyết định số 2760/QĐ-BNN-TCTS phê duyệt "Chiến lược cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững".

Mục tiêu chiến lược là ngành thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất thủy sản đạt trên 6%/năm trong đó, giá trị khai thác thủy sản tăng trưởng bình quân trên 3%/năm; giá trị nuôi trồng thủy sản tăng trưởng bình quân trên 8%/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị xuất khẩu thủy sản đạt trên 6%/năm.

Chiến lược hướng tới việc nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người dân ven biển, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm tươi sống và lâu dài, giảm đói nghèo, phấn đấu năm 2020, thu nhập bình quân lao động thủy sản cao gấp 2,5 lần so với năm 2010. Ngoài ra, mục tiêu chiến lược là tăng cường năng lực quản lý tài nguyên, quản lý thị trường, giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường, dịch bệnh; chuyển đổi quản lý rủi ro, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và biến đổi dân số.

Hiện nay, ngành phấn đấu năm 2020 giá trị sản lượng khai thác thủy sản đạt 2,4-2,6 triệu tấn/năm (bao gồm sản lượng khai thác nội địa đạt 0,2 triệu tấn, sản lượng khai thác hải sản 2,2-2,4 triệu tấn); thực hiện giảm tỷ trọng sản lượng khai thác ven biển đạt 52% (1,2 triệu tấn) hiện nay xuống còn khoảng 36,4% (0,8-0,87 triệu tấn) vào năm 2020, tỷ trọng sản lượng khai thác xa bờ đạt 48% (1 triệu tấn) lên khoảng 63,6% (1,4-1,53 triệu tấn) vào năm 2020.

Vận tải thủy khai thác, ngành tiếp tục hiện đại hóa trang thiết bị, máy móc, ngư lôi, công nghệ khoa học - kỹ thuật hiện đại vào sản xuất nâng cao giá trị sản xuất cho người dân, kết hợp với bảo vệ nguồn lợi thủy sản và an ninh quốc phòng trên biển; thực hiện chuyển đổi vận tải khai thác theo hướng giảm dần tàu cá khai thác vùng biển ven bờ có công suất nhỏ dưới 20 CV và tăng dần loại tàu có công suất trên 90 CV; phát triển vận tải khai thác xa bờ tham gia khai thác vùng biển xa và khai thác hợp pháp tại vùng kinh tế đặc biệt các tỉnh, các vùng lãnh thổ trong khu vực và quốc tế khoảng 4.500 tàu chuyên dụng các tỉnh Nam Trung bộ và Nam bộ.

Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, ngành tiếp tục đầu tư 4,5 triệu tấn vào năm 2020, trong đó tôm khoảng 700.000 tấn, cá tra khoảng 1,8 triệu tấn và có sự gia tăng đáng kể sản lượng rong biển; tiếp tục phát huy lợi thế nuôi trồng tại các vùng miền: tôm thẻ chân trắng các tỉnh ven biển Bắc bộ và miền Trung, các vùng nuôi thâm canh Nam bộ, cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long,...; chuyển đổi sản xuất giống thủy sản chất lượng, phấn đấu năm 2020 sản xuất 100% giống có chất lượng và 100% giống tôm sú, tôm chân trắng sạch bệnh.

Theo B tr ng B NN&PTNT Cao c Phát, t c nh ng m c tiêu trên, ngành th y s n ph i th c hi n ng b 7 gi i pháp v quy ho ch, t ch c, u t , chính sách, khoa h c công ngh , th tr ng và h p tác qu c t .

Theo ó, ngành c n rà soát, i u ch nh b sung, xây d ng m i các quy ho ch theo vùng, theo l nh v c s n xu t, theo i t ng ch l c trên c s Chi n l c phát tri n th y s n Vi t Nam n n m 2020 (Q 1690/Q -TTg ngày 16/9/2010) và Quy ho ch t ng th phát tri n th y s n n n m 2020, t m nhìn 2030 (Q 1445/Q -TTg ngày 16/8/2013). C n c vào ó, các t nh, các a ph ng ti n hành rà soát, i u ch nh b sung quy ho ch phát tri n th y s n trên a bàn t ng t nh, t ng a ph ng.

i u ch nh c c u v n u t c a ngân sách nhà n c cho phát tri n th y s n trong t ng v n u t phát tri n ngành nông nghi p. T ng t tr ng u t công cho l nh v c th y s n trong t ng v n u t do B NN&PTNT qu n lý, c th : t tr ng u t cho th y s n giai o n 2011-2015 t trên 7%, giai o n 2016-2020 t trên 10% trong t ng v n u t toàn ngành. V n u t t ngân sách nhà n c t p trung th c hi n u t : i u tra ngu n l i, d báo ng tr ng, h th ng thông tin qu n lý ngh cá, ki m ng , h th ng c s h t ng s n xu t gi ng th y s n, h t ng vùng nuôi t p trung cho các i t ng ch l c (tôm, cá tra, nhuy n th và rô phi), h th ng quan tr c c nh báo môi tr ng, phòng ng a d ch b nh th y s n và h th ng ki m nghi m, ki m nh nuôi tr ng th y s n.

V th tr ng tiêu th , ngành c n gi v ng c c u các th tr ng xu t kh u truy n th ng: Nh t B n, M , EU m c 60%, tỉ p t c m r ng th tr ng vùng ô ng Âu, B c Âu, Trung ô ng, châu Phi, B c M , Nam M và châu Á. i v i th tr ng n i a, quy ho ch h th ng các ch u m i, hình thành các kênh phân ph i hàng th y s n t ng i s n xu t, doanh nghi p n các ch , siêu th .

7.3. ánh giá v s phù h p nh h ng phát tri n c a Công ty v i nh h ng c a ngành, chính sách c a Nhà n c, và xu th chung trên th gi i.

S phù h p nh h ng phát tri n c a Công ty v i nh h ng c a ngành, chính sách c a Nhà n c và xu th chung trên th gi i th hi n b ng vi c Công ty quy t tâm chuy n i sang ho t ng theo mô hình m i là công ty c ph n. Trong xu th h i nh p và phát tri n hi n nay v i n n kinh t th tr ng, mô hình doanh nghi p Nhà n c ho t ng hi n không còn hi u qu , tính linh ho t và kh n ng c nh tranh b h n ch . Mô hình công ty c ph n là lo i hình doanh nghi p thích h p nh t mà các n c tiên ti n nói chung và Vi t Nam nói riêng ang áp d ng và phát huy các m t tích c c c a nó trong n n kinh t . V i mô hình công ty c ph n, Công ty s huy ng c các ngu n l c trong xã h i c v v n l n nhân l c c a m i t ch c kinh t , cá nhân trong và ngoài n c. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào ho t ng s n xu t kinh doanh c a doanh nghi p giúp i m i và phát tri n doanh nghi p, t o vi c làm cho ng i lao ng, t ng ngu n thu cho ngân sách a ph ng; thay i ph ng th c qu n lý doanh nghi p, t o ng l c phát tri n, nâng cao hi u qu và n ng l c c nh tranh c a doanh nghi p trong n n kinh t th tr ng.

Cùng v i c h i phát tri n ngành ch bi n th y s n, n m 2014 Công ty có k ho ch c i t o s a ch a và nâng c p c s v t ch t kinh doanh m r ng ho t ng s n xu t kinh

doanh. C th , n m 2014, Công ty ư t 500 tri ư ng nâng c p nhà máy ch bi n th y s n, bên c nh ó ư t xây d ng thêm phân x ng s n xu t hàng th y s n.

8. Chính sách i v i ng i lao ng

8.1. Tình hình lao ng

T ng s lao ng c a Công ty t i th i i m 30/06/2014 là 253 ng i, c c u lao ng theo trình c th hi n trong b ng sau:

Cán b	31/12/2012		30/06/2014	
	S ng i	T l	S ng i	T l
I. Phân theo trình lao ng	269	100%	253	100%
1. Trình trên i h c				
2. Trình i h c	27	10,04	25	9,9
3. Trình cao ng, trung c p	18	6,69	17	6,72
4. Công nhân k thu t	97	36,05	97	38,34
5. S c p (Lao ng ph thông)	127	47,21	114	45,06
6. Lao ng khác				
II. Phân theo tính ch t h p ng lao ng	269	100%	253	100%
1. Lao ng h p ng th i h n t 1-3 n m	8	2,97	14	5,53
2. Lao ng không xác nh th i h n	188	69,89	179	70,75
3. Lao ng trong th i gian th vi c	73	27,14	60	23,72

Ngu n: Proximex

8.2. Chính sách i v i ng i lao ng

a. Ch làm vi c

Th i gian làm vi c: Công ty t ch c làm vi c 8h/ngày, 5,5 ngày/tu n, ngh tr a 1h, t 12h n 13h i v i các b ph n v n phòng. i v i cán b và công nhân tr c ti p s n xu t, Công ty ang t ch c s n xu t theo ca, m b o áp ng ti n công vi c tuân th theo quy nh c a pháp lu t.

Khi có yêu c ư t xu t v ti n s n xu t, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhi m làm thêm gi . Công ty m b o quy n l i cho ng i lao ng theo quy nh c a nhà n c và có ã ng tho áng cho ng i lao ng.

Ngh phép, ngh l , t t: Th c hi n theo Lu t lao ng s a i n m 2012, nhân viên Công ty làm vi c v i th i gian 12 tháng c ngh phép 12 ngày i v i i u ki n lao ng bình th ng. i v i i u ki n lao ng trong môi tr ng c h i thì s ngày phép là 14 ngày v i th i gian 12 tháng và th i gian không làm vi c 12 tháng c tính theo t l th i gian làm vi c. C sau th i gian làm vi c c 5 n m thì c t ng thêm 1 ngày phép.

Nhân viên c ngh l , t t 09 ngày theo quy nh c a B Lu t lao ng.

Nghỉ m, thai sản: Nhân viên Công ty nghỉ m 03 ngày (không liên tục) trong năm và nghỉ nguyên ngày. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bồi dưỡng theo đúng quy định, còn nghỉ thêm 01 tháng nghỉ do Bồi dưỡng xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Điều kiện làm việc lao động trí tuệ, Công ty trang bị đầy đủ các phúc lợi nhân bản cho lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động và tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mọi tiêu chuẩn tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực. Những kỹ năng trên nhu cầu lao động, Công ty tiến hành thi tuyển với các tiêu chí trọng yếu: trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tinh thần yêu cầu tiến bộ.

Đào tạo: Công ty chú trọng đầu tư vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực làm việc của CBCNV. Điều kiện như người lao động qua đào tạo, Công ty sẽ cho họ tham gia theo giáo trình và nội dung toàn diện, các biên soạn sát với thực tiễn sản xuất và các ngành hàng trong nhiệm vụ của họ. Mọi tiêu chuẩn sau giai đoạn đào tạo là công nhân có tay nghề, kỹ năng nhất định, khả năng thích ứng thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu trên dây chuyền sản xuất.

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi tuyển dụng, nhân viên mới của Công ty tham gia vào các khóa bồi dưỡng và kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm quy định của công ty, pháp luật và kỹ năng thích ứng công việc.
- Đào tạo nội bộ làm việc: hình thức này áp dụng phổ biến cho công nhân trực tiếp sản xuất. Công nhân mới vào, đầu tư vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực Công ty sẽ phân công công việc phù hợp với năng lực và trình độ, trình độ chuyên môn cao hơn. Nhân viên thu nhập phần nào sẽ được phân bổ trách nhiệm và công việc hàng ngày, đào tạo và phân công.
- Đào tạo không ngừng xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

c. Chính sách lương và thưởng

Nhằm khuyến khích người viên mới đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, hàng năm Công ty tiến hành bình xét thi đua và thưởng khen thưởng.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức nghỉ mát, duy trì phong trào Văn - Thể - Máu.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2013 là 3.700.000 đồng/tháng. Đây là mức

thu nhập trung bình khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

9. Chính sách credit

Công ty tín hành credit cho công khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác như nợ phải trả.

Credit sẽ credit chi trả lãi như ngân hàng Công ty nhưng không credit quá mức do Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã thông qua các công ty liên quan công. Hội đồng quản trị có thể thanh toán credit giá cả khi xét thấy vì credit này phù hợp với kinh nghiệm sinh lợi của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định công thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần credit bằng ngân hàng tài sản cố định (cấp ưu, trái phiếu đã thanh toán hàng tín mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thẩm định quy định việc này.

Khoản phải trả credit năm 2010-2011: 1,65 tỷ đồng phải trả cho Công ty Mua bán và Việt Nam, Công ty chưa thanh toán do đang gặp khó khăn về tài chính. Dự kiến Công ty sẽ thanh toán khoản này trong năm 2015.

Năm 2011, Công ty credit cho các công việc lãi 5%/năm. Năm 2012, do kết quả hoạt động kinh doanh không quan nên Công ty không có nguồn credit cho công. Năm 2013, Công ty credit cho các công việc lãi 5% năm. Năm 2014, Công ty dự kiến sẽ credit cho các công việc lãi 5-7%; mức credit này sẽ do Hội đồng quản trị năm 2015 quyết định.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, đồng lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao thẳng hàng trên nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng tính, phù hợp với Quyết định số 45/2013/QĐ-BTC ban hành ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị: 5 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng: 2 - 5 năm
- Phương tiện vận tải: 5 - 10 năm
- TSCĐ vô hình là chi phí bù đắp giá trị Trung tâm CB gia súc gia cầm khấu hao là 8 năm

b) **Mức bình quân**

CH TIÊU	N m 2011	N m 2012	N m 2013
Thu nhập bình quân (ng/người/tháng)	2.600.000	3.000.000	3.700.000
% tăng, giảm		15,38%	26,67%

Mức bình quân nhân sự năm gần đây của Công ty tăng lên vì mức bình quân của các công ty cạnh tranh khác trên cùng địa bàn.

c) **Các khoản phí nộp theo luật thuế**

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên theo quy định của Nhà nước, số thuế còn phải nộp như sau:

Ch tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Thu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	563.584.571
Thu giá trị gia tăng	1.023.993.854	269.202.139
Tổng cộng	1.023.993.854	832.786.710

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012 và 2013

d) **Trích lập các quỹ theo luật thuế**

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Đơn vị: đồng

Các Quỹ	31/12/2012	31/12/2013
Quỹ phòng tài chính	556.895.359	601.275.586
Quỹ đầu tư và phát triển	6.205.425.601	6.225.521.469
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	281.118.924	125.883.379
Tổng cộng	7.043.439.884	6.952.680.434

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012 và 2013

e) **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Việt Nam	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000

f) **Tình hình công nợ hiện nay**

 **Các khoản phải thu:**

đơn vị: đồng


Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Phải thu từ khách hàng	6.452.982.648	460.014.054	759.707.302
Trả trước cho người bán	79.806.784	130.000.000	137.066.130
Phải thu nội bộ			
Phải thu khác	655.438.440	25.976.299.499	25.976.369.071
D phòng phải thu khó đòi	(822.244.154)	(4.262.265.959)	(7.758.935.090)
Tổng cộng	6.365.983.718	22.304.047.594	19.114.207.413

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013

(*) *Chi tiết khoản phải thu khác:*

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Phải thu về XDCB từ Sở SN	365.777.694	365.777.694	365.777.694
Tiền gửi các nhà sản xuất nội bộ	42.781.974	0	0
Tiền gửi cho Cty TNHH Xây dựng 9	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Tiền gửi của Nguyễn Văn Chanh	10.500.000	10.500.000	10.500.000
Bổ sung xã hội	136.378.772	0	0
Phải thu công trình XDCB Thủ Quang	0	140.021.805	140.021.805
Ông Nguyễn Ím – nguyên TG	0	25.360.000.000	25.360.000.000
Ngân Hàng Liên Doanh Việt Nga			69.572
Tổng cộng	655.438.440	25.976.299.499	25.976.369.071

Ghi chú: Trong khoản phải thu khác ngày 31/12/2013 có khoản phải thu trị giá 25.360.000.000 đồng của Ông Nguyễn Ím (hiện nay đã mất) phát sinh trong thời gian ông Nguyễn Ím nguyên là Tổng giám đốc và bà Bùi Thị Hòa là Kế toán trưởng Công ty. Sự kiện bất thường nêu trên do rút vốn dùng cho mục đích cá nhân. Vì vậy này đã được quan công an điều tra và ra kết luận và chuyển hồ sơ sang cho Viện kiểm sát nghiên cứu xử lý.

 **Các khoản phải trả:**

đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Nợ ngắn hạn	2.781.132.603	12.699.502.909	11.031.814.016
1. Vay và nợ ngắn hạn*		0	3.909.454.190
2. Phải trả cho người bán	311.465.700	4.781.680.427	127.398.261
3. Người mua trả tiền trước	0	1.453.977.686	0

Ch tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
4. Thu và các khoản phí NN	174.891.874	1.023.993.854	832.786.710
5. Phí trợ giá ng**	228.634.038	958.650.386	2.015.231.644
6. Chi phí phí	836.054.846	1.493.913.151	1.890.113.251
7. Các khoản phí n b	0	0	0
8. Các khoản phí , phí n p khác	1.078.881.896	2.706.168.481	2.130.946.581
9. D phòng phí n h n	0	0	0
10. Qu khen thưởng phúc l i	151.204.249	281.118.924	125.883.379
N dài h n	1.348.870.673	1.024.755.893	1.024.755.893
1. Vay và n dài h n			0
2. D phòng tr c p m t v i c làm	324.114.780		0
3. D phòng phí dài h n			0
4. Phí dài h n khác***	1.024.755.893	1.024.755.893	1.024.755.893
T ng n phí	4.130.003.276	13.724.258.802	12.056.569.909

Nguồn: BCTC kế toán năm 2011, 2012 và 2013

Vay và n ng n h n*: Vay ng n h n	31/12/2012 (VN)	31/12/2013 (VN)
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	-	3.909.454.190
C ng	-	3.909.454.190

Nguồn: BCTC kế toán năm 2012 và 2013

Năm 2013 Công ty vay vốn Ngân hàng Liên doanh Việt Nga 3,9 tỷ đồng bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2012 Công ty không thực hiện vay ngân hàng do Công ty có lượng tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phí trợ giá ng**:

Số tiền lãi năm 2013 liên quan đến chi phí do Công ty chia thanh toán lãi tháng 12/2013 và mặt phần Qu lãi năm 2013 chia thanh toán hết cho trợ giá ng. Ngày 31/03/2014 Công ty đã thanh toán hết khoản lãi 2.015.231.644 đồng.

Phí dài hạn khác***:

Phí dài hạn khác	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí di dời nhà xưởng	1.024.755.893	1.024.755.893
C ng	1.024.755.893	1.024.755.893

Nguồn: BCTC kế toán năm 2012 và 2013

Chi phí di dời nhà xưởng phát sinh trực tiếp liên quan Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (2007), chi phí này hiện đang chờ Công ty xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Các khoản phí trả, phí nộp khác:

Các khoản phí trả, phí nộp khác	31/12/2013	31/12/2012
Kinh phí công đoàn	148.041.731	104.875.561
Bồi hiểm xã hội	37.784.696	683.712.940
Bồi hiểm y tế	3.597.408	81.068.657
Bồi hiểm thất nghiệp	4.188.600	35.454.277
Các khoản phí trả, phí nộp khác	1.937.334.146	1.801.057.046
<i>Nợ chuyển năm 2010, 2011</i>	<i>1.650.700.000</i>	<i>1.650.700.000</i>
<i>Tiền lương CBNV giải</i>	<i>20.156.400</i>	<i>71.853.300</i>
<i>Tiền công - Trả nợ</i>	<i>120.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
<i>Chi phí lao động xuất khẩu nh chi h</i>	<i>8.334.000</i>	<i>8.334.000</i>
<i>Phí trả thu TNCN</i>	<i>1.658.700</i>	<i>1.658.700</i>
<i>DATC</i>	<i>65.000.000</i>	<i>21.000.000</i>
<i>Phí trả khác</i>	<i>71.485.046</i>	<i>27.511.046</i>
Cộng	2.130.946.581	2.706.168.481

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và 2013

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	VT	2012	2013
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,50	3,02
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,87	2,02
Các chỉ tiêu tài chính - nguồn vốn			
Chỉ số nợ/tổng nguồn vốn	Lần	0,27	0,24
Chỉ số nợ/VCSH	Lần	0,37	0,31
Chỉ số nợ ngắn hạn/tổng nguồn vốn	Lần	0,25	0,22
Chỉ số TS ngắn hạn/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,66
Chỉ số năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,97	4,27
Vòng quay tài sản	Vòng	2,28	1,02
Chỉ số khả năng sinh lợi			
Chỉ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,067	3,37
Chỉ số LNST/Vốn chủ sở hữu	%	0,189	4,64
Chỉ số LNST/Tổng tài sản	%	0,15	3,45

Ch tiêu	VT	2012	2013
Ch s LNH KD/Doanh thu thu n	%	-0,008	1,78

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013

11. Hồ sơ quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Danh sách thành viên Hồ sơ quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Mạnh Thắng	Chủ tịch Hồ sơ Quản trị
2	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên Hồ sơ Quản trị
3	Nguyễn Quang Trung	Thành viên Hồ sơ Quản trị
4	Đinh Hải Ngân	Thành viên Hồ sơ Quản trị
5	Nguyễn Luân	Thành viên Hồ sơ Quản trị

a) Chủ tịch HĐQT - Ông Phạm Mạnh Thắng

- CMND: 012391552
- Nơi cư trú: Công an thành phố Hà Nội
- Ngày cấp: 02/02/2001
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/10/1970
- Nơi sinh: Xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: T071202 Times City, 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số liên lạc cá nhân: 0913 099 093
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân ngoại ngữ, Thạc sĩ quản trị công
- Quá trình công tác:
 - 1993 – 1995: Công tác tại Công ty Máy tính – Truyền thông – Siêu thị 3C
 - 1995 – 1998: Chuyên viên Bộ Tài chính (Vấn chính sách Tài chính)
 - 1998-2002: Phó Trưởng phòng – Vấn chính sách – Bộ Tài chính
 - 2002-2004: Trưởng phòng Dự án Quản lý lao động dôi dư (do Ngân hàng Thương mại tài trợ)
 - 2004-nay: Trưởng phòng (04-06/2008), Phó Tổng giám đốc (06/2008-nay) Công ty mua bán và tài sản tài trợ các doanh nghiệp
 - 05/2013-nay: Chủ tịch Hồ sơ quản trị Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hồ sơ quản trị Công ty CP Procimex Việt Nam

- Chức vụ hiện đang nắm giữ các tổ chức khác:
 - + Phó Tổng giám đốc Công ty Mua bán và tài sản thương mại của doanh nghiệp
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp 19
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhà Trại Thành Phố
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sadico
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Việt Lợi và tính Việt Nam
 - + Thành viên Ban Giám đốc Quản lý Việt Nam, Quỹ Hà Nội Fund
- Số vốn nắm giữ: 733.746 cổ phần
 - Trong đó: + Số vốn sở hữu: 28.100 cổ phần
 - + Số vốn ủy quyền: 705.646 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ vì Công ty: Không
- Lợi ích liên quan vì Công ty: Không
- Tình hình thu nhập kế hoạch liên quan: Không có

b) Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Hữu Dũng

- CMND: 201190475
- Nơi cư trú: Công an Hà Nội
- Ngày cấp: 22/05/2008
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/08/1971
- Nơi sinh: Nông trường Quốc doanh 1-5, Huyện Nghĩa Lộ, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: T.03, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Hà Nội
- Số liên hệ liên lạc quan: Không
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 01/1994 – 2/1996: Công tác tại Xí nghiệp in Quảng Nam Hà Nội
 - 3/1996 – 6/1999: Công tác tại Công ty in máy Miền Trung
 - 7/1999 – 5/2003: Công tác tại Công ty Cổ phần kinh doanh kính thép
 - 6/2003 – 2/2008: Công tác tại Nhà máy Chế tạo và lắp ráp thiết bị Công ty in máy và Kỹ thuật công nghệ
 - 3/2008 – nay: Công tác tại Công ty mua bán và tài sản thương mại của doanh nghiệp

- 01/2013 – nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng mua bán nhà của Công ty Mua bán nhà và tài sản bất động sản Doanh nghiệp, chi nhánh Hà Nội
- Số phần nắm giữ : 460.027 CP
Trong đó: + Số phần sở hữu: 10.000 CP
+ Số phần ưu đãi sở hữu: 450.027 CP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ vì Công ty: Không
- Lợi ích liên quan vì Công ty: Không
- Tình sử dụng nợ có ảnh hưởng liên quan: Không có

c) Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Quang Trung

- CMND: 200934618
- Nơi cư trú: Công an Hà Nội
- Ngày cấp: 23/05/2011
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/12/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội, Hà Nội, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 120/2 Lý Thái Tổ, P. Thủ Khoa Huân, Thanh Khê, Hà Nội
- Số liên hệ liên lạc cá nhân: 0511.387 2213
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1985 – 1992: Kiểm sát giám sát xây dựng – Ban Xây dựng Nhà ở thành phố Hà Nội
 - 1993-2001: Kế toán trưởng, Giám đốc – Công ty Đầu tư Phát triển Nhà ở Hà Nội
 - 2001-2004: Phó Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Nhà ở Hà Nội
 - 2004-3/2010: Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Nhà ở Hà Nội
 - 2010-nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Nhà ở Hà Nội
 - 5/2013 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Chức vụ HQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà à Nẵng
 - + Chức vụ HQT Công ty Cổ phần Chứng khoán à Nẵng
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Tia sáng mặt trời
 - + Thành viên HQT Công ty Xây lắp Phát triển Nhà à Nẵng
- Số phần nắm giữ : 50.000 CP
 Trong đó: + Số phần sở hữu: 50.000 CP
 + Số phần miễn thuế: 0 CP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định về mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ vì Công ty: Không
- Lợi ích liên quan vì Công ty: Không
- Tổng số hợp đồng kinh tế có liên quan: Không có

d) Thành viên HĐQT - Ông Đinh Hải

- CMND: 201107139
- Nơi sinh: Công an Thành phố à Nẵng
- Ngày cấp: 18/09/2003
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/02/1970
- Nơi sinh: Hòa Phát – Hòa Vang – à Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Tây, Phú Vàng, TP Huế
- Địa chỉ thường trú: 276/7 Lê Duẩn, quận Thanh Khê, TP à Nẵng
- Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0511.2221906
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1992 – 1997: Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Navico, TP Hồ Chí Minh
 - 1997 – 2013: Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Hòa Khánh
 - 5/2013-nay: Thành viên Hội đồng quản trị, trưởng phòng Hành chính – nhân sự Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam.
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số phần nắm giữ : 20.000 CP
 Trong đó: + Số phần sở hữu: 20.000 CP

+ Số phần ιδιςη u: 0 CP

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với chủ phát hành: Không
- Tổng số chủ nợ khoản cá nhân liên quan: Không có

e) **Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Luân**

- CMND: 201046256
- Nơi cư trú: Công an thành phố Hà Nội
- Ngày cấp: 02/05/2001
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/10/1966
- Nơi sinh: Xã Tân Tiến, huyện Tân Bần, tỉnh Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tân Tiến, huyện Tân Bần, tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 47/49 Đường Lý Thái Tổ, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0511. 3840 205
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - 10/1988 – 06/1997: Công tác tại Seaprodex Hà Nội (Bộ Thủy sản)
 - 06/1997-09/2007: Công tác tại Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5
 - 10/2007-nay: Giám đốc chi nhánh Công ty Mua bán nông và tài sản nông nghiệp, chi nhánh Hà Nội
 - 5/2013-nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam.
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc chi nhánh Công ty Mua bán nông và tài sản nông nghiệp, chi nhánh Hà Nội
- Số phần nắm giữ: 470.027 CP

Trong đó: + Số phần ιδιςη u: 20.000 CP

+ Số phần ιδιςη u: 450.027 CP

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Tổng số chủ nợ khoản cá nhân liên quan: Không có

11.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Thị Kim Nguyên	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Lâm Phương Tiên	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát

a) Trưởng Ban kiểm soát – Bà Phan Thị Kim Nguyên

- CMTND: 201358092
- Ngày cấp: 10/04/2003
- Ngày cấp: Công an thành phố Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/01/1976
- Nơi sinh: TP Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: K42/22 Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, TP Hà Nội
- Số liên lạc: 0511. 3888 364
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 11/1999 – 9/2001: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Kinh doanh chi nhánh hàng XNK Hà Nội
 - 10/2001-12/2005: Nhân viên Phòng kế toán Công ty Xây dựng và TBNT nhà ở và TP Hà Nội. Ph trách kế toán Xí nghiệp chi nhánh TBNT trực thuộc Công ty Xây dựng và TBNT nhà ở Hà Nội
 - 01/2006 – nay: Chuyên viên Phòng mua bán nhà - Công ty mua bán nhà và tài sản công ty doanh nghiệp, chi nhánh Hà Nội
 - 5/2013 – nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Phòng mua bán nhà - Công ty mua bán nhà và tài sản công ty doanh nghiệp, chi nhánh Hà Nội
- Số phần nắm giữ: 0 Cổ phần
 - Trong đó: + Số mua: 0 Cổ phần
 - + Số di sản: 0 Cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

- Các khoản nợ vì Công ty: Không
- Lợi ích liên quan vì Công ty: Không
- Tổng số hợp đồng khoán cá nhân liên quan: Không có

b) Thành viên Ban kiểm soát – Bà Lâm Phương Tiên

- CMTND: 200863390
- Nơi cư trú: Hà Nội
- Ngày cấp: 23/12/2012
- Giá trị: N
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1966
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Hoàng Thụ, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 9A/2 Hồ Phòng – Hà Nội
- Số liên hệ liên lạc cá nhân: 0905 001 002
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1990 – 1991: Kế toán viên Trách nhiệm cung cấp và tiêu thụ Sản phẩm công nghiệp – tập thể công nghiệp
 - 1992-1997: Kế toán viên Công ty Xuất Phát triển Nhà Hà Nội
 - 1998-8/2000: Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây dựng thu nhập Công ty Xuất Phát triển Nhà Hà Nội
 - 9/2000-3/2010: Kế toán trưởng Công ty Xuất Phát triển Nhà Hà Nội
 - 4/2010-4/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xuất Phát triển Nhà Hà Nội
 - 5/2010-nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số phần nắm giữ: 0 Cổ phần
 - Trong đó: + Số ưu: 0 CP
 - + Số ưu đãi: 0 CP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ vì Công ty: Không
- Lợi ích liên quan vì Công ty: Không
- Tổng số hợp đồng khoán cá nhân liên quan: Không

c) **Thành viên Ban kiểm soát – Bà Nguyễn Thùy Linh**

- CMND số : 012083349
- Cấp ngày: 28/1/2013
- Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 7/7/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Số 16, ngõ 49, ngõ 343 Phố Cấn - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0904084455
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Học vị Cử nhân ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2004 – nay: Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư – Công ty Mua bán nhà và tài sản bất động sản doanh nghiệp
 - + Từ 05/2013-nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ kiêm nhiệm tại các tổ chức khác:
 - + Chuyên viên Phòng Quản lý đầu tư – Công ty Mua bán nhà và tài sản bất động sản doanh nghiệp
 - + Ủy viên HĐQT CTCP Xây dựng số 8 Thành phố Long
 - + Ủy viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ nội bộ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Tổng số hộ chiếu, sổ sách, tài khoản cá nhân ngân hàng liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
BÙI DUY HÂN	Con	14.000	0,47

11.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Dũng	Chủ tịch Kiểm soát
2	Ngô Thị Thanh	Phó Chủ tịch Kiểm soát

a) **Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Hữu Dũng (Xem phần b, 12.1)**

b) **Phó Tổng Giám đốc - Bà Ngô Thị Thanh**

- CMND: 201392530
- Nơi cư trú: Công an Quận Nam Định - Hà Nội
- Ngày cấp: 24/08/1995
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1954
- Nơi sinh: Hòa Khánh, Hòa Vang, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hòa Khánh, Hòa Vang, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: T. 8, Thanh Bình, Thuận Phước, Hải Châu, Hà Nội
- Số liên hệ liên lạc quan: 0511.2221909
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - 1981 - 1984: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp công nghiệp 14
 - 1984-1988: Phó quản đốc phân xưởng Chế biến, Công ty XNK Thủy sản Hà Nội
 - 1989-1994: Quản đốc Phân xưởng chế biến, Công ty XNK Thủy sản Hà Nội
 - 1995-1999: Phó giám đốc Công ty XNK Thủy sản Hà Nội
 - 2000-2007: Phó giám đốc Công ty Kinh doanh chế biến hàng XNK Hà Nội
 - 2008-nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số phần nắm giữ: 1.200 CP
 - Trong đó: + Số phần sở hữu: 1.200 CP
 - + Số phần đi nắm giữ: 0 CP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quy định mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ vì Công ty: Không
- Lợi ích liên quan vì Công ty: Không
- Tình hình thanh toán các khoản chi liên quan: Không

12. Tài sản

12.1 Giá trị tài sản có hình thức, vô hình tính đến 31/12/2013:

STT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
-----	-----------	------------------	-----------------------	-----------------------

I	TSC h u hình	25.119.144.655	11.852.097.317	13.267.047.338
1	Nhà x ng, v t ki n trúc	14,275,806,017	3,092,653,367	11,183,152,650
2	Máy móc thi t b	9,978,077,974	8,088,656,287	1,889,421,687
3	Ph ng ti n v n t i	865,260,664	670,787,663	194,473,001
4	Thi t b qu n lý	0	0	0
II	TSC vô hình	2.877.262.814	2.256.611.575	620.651.239
	Ph n m m k toán	40.000.000	40.000.000	0
	TSC vô hình khác	2.837.262.814	2.216.611.575	620.651.239
	C ng	27.996.407.469	14.108.708.892	13.887.698.577

Ngu n: Procimex

12.2 Chi phí xây d ng c b n d dang:

Chi phí xây d ng c b n d dang cho các d án	01/01/2013	31/12/2013
+ Chi phí xây d ng XN ch bi n th y s n Th Quang	139.325.545	294.216.234
+ Chi phí s a ch a à S n		571.817.046
C ng	139.325.545	866.033.280

12.3 Tình hình s d ng t ai:

Stt	Di n gi i	Di n tích s d ng (m2)	Công trình trên t	M c ích s d ng	Hình th c s d ng	Th i h n thuê
1	Khu t t i Th Quang – S n Trà – à N ng	20.000	Nhà c a v t ki n trúc, nhà x ng, h th ng kho l nh, h m ông 50 t n, h th ng MMTB, h th ng XLNT	Xây d ng nhà máy ch bi n th c ph m th y h i s n	Thuê t tr ti n hàng n m theo H p ng s 02/2004/H TL ngày 26/8/2004 ký v i Công ty Phát tri n khai thác h t ng KCN à N ng.	40 n m, t n m 2004 n n m 2044
2	Khu t t i TT Gia súc gia c m à S n – Hòa Khánh Nam – Liên Chi u - à N ng	49.998	Nhà c a v t ki n trúc, dây chuy n gi t m Gia súc, h th ng XLNT	Xây d ng nhà máy h p xu t kh u và Gi t m gia súc à N ng	Thuê t tr ti n hàng n m theo H p ng s 363/H T ngày 05/09//2005 ký v i S Tài nguyên và Môi tr ng TP à N ng.	50 n m, t n m 2003 n n m 2053

13. K ho ch s n xu t kinh doanh, l i nhu n và c t c trong n m ti p theo

13.1. Ch tiêu l i nhu n và c t c n m 2014

CH TIÊU	N m 2013	N m 2014	
	Giá tr	Giá tr	T ng gi m so v i 2013
V n i u l (tri u ng)	30.000	30.000	0%
Doanh thu thu n (tri u ng)	51.844	71.430	37,78%
L i nhu n sau thu (tri u ng)	1.749	4.500	157,29%
T l LNST/V n i u l	5,8%	15%	9,2%
T l LNST/Doanh thu thu n	3,4%	6,29%	2,89%
C t c (%)	5%	5-7%	0-2%

Ngu n: Ngh quy t H C th ng ni n 2014 Procimex

Chú thích: $L i nhu n sau thu = LNNT * 75\%$ (thu TNDN 25%).

• **C n c xây d ng k ho ch l i nhu n c t c:**

- C n c vào d báo t c t ng tr ng, chi n l c phát tri n kinh t c a Chính ph trong các n m ti p theo cho th y n n kinh t Vi t Nam ang t ng b c h i ph c, b c tranh kinh t ngày càng kh quan h n. ây là nhân t thu n l i i v i nhi u ngành nói chung trong ó có ngành s n xu t và ch bi n th y s n;
- C n c vào “Chi n l c phát tri n th y s n Vi t Nam n n m 2020 (Quy t nh s 1690/Q -TTg ngày 16/9/2010) và Quy ho ch t ng th phát tri n th y s n n n m 2020, t m nh n 2030”, theo ó t c t ng tr ng bình quân giá tr s n xu t th y s n t trên 6%/n m trong ó, giá tr khai thác th y s n t ng tr ng bình quân trên 3%/n m; giá tr nuôi tr ng th y s n t ng tr ng bình quân trên 8%/n m; t c t ng tr ng bình quân giá tr xu t kh u th y s n t trên 6%/n m. C th , ngành ph n u n n m 2020 gi n nh s n l ng khai thác th y s n m c 2,4-2,6 tri u t n/n m (bao g m s n l ng khai thác n i a t 0,2 tri u t n, s n l ng khai thác h i s n 2,2-2,4 tri u t n); th c hi n gi m t tr ng s n l ng khai thác ven b t 52% (1,2 tri u t n) hi n nay xu ng còn kho ng 36,4 % (0,8-0,87 tri u t n) vào n m 2020, t ng s n l ng khai thác xa b t 48% (1 tri u t n) lên kho ng 63,6% (1,4-1,53 tri u t n) vào n m 2020;
- N m 2014, Công ty t k ho ch doanh thu thu n là 71,43 t ng, t ng 37,78% so v i n m 2013 d a vào nhu c u th tr ng (đ ki n s n l ng th y s n tiêu th c a Công ty t ng 105%; s n l ng gia súc, gia c m gi t m n nh), n ng l c ho t ng c a Công ty và trên c s các h p ng đ ki n s c ký k t trong n m 2014. Bên c nh ó, ngoài th tr ng truy n th ng, n m 2014, Công ty đ ki n s m r ng th tr ng t i m t s n c khu v c Trung ông, B c Phi và m t s khách hàng Châu Âu.

V i k ho ch doanh thu nêu trên, l i nhu n đ ki n c a Công ty n m 2014 là 4,5 t ng. K ho ch l i nhu n nêu trên ch a tính n vi c c hoàn nh p hay ph i ti p t c trích l p đ phòng i v i kho n n ph i thu khó òi 25,36 t ng c a Công ty.

• **Tình hình th c hi n k ho ch sáu tháng u n m 2014:**

Trong n a u n m 2014, Công ty ã ký k t và th c hi n nhi u h p ng cung c p s n ph m cá và d ch v gi t m gia súc v i giá tr l n. Theo ó, doanh thu thu n bán hàng và

cung cấp dịch vụ sáu tháng đầu năm 2014 của Công ty đạt 31,79 triệu đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm 2013. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 581,68 triệu đồng, tăng 1,51% so với cùng kỳ năm 2013. Nhờ vậy, Công ty đã hoàn thành 44,5% kế hoạch doanh thu và 12,9% kế hoạch lợi nhuận năm 2014. Trên cơ sở hệ thống khách hàng sẵn có và chỉ số phát triển hệ thống khách hàng, cùng với việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của khách hàng, Công ty đã kiên trì bám đuổi mục tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

13.2 Kế hoạch đầu tư, dự án đã thực hiện, H C thông qua:

Tiền nhà máy chế biến hàng thủy sản: đầu tư chi tiêu, sửa chữa các hạng mục nhà xưởng, thi công...v.v. hiện nay chi tiêu 500.000.000 đồng từ nguồn vốn có của Công ty.

Tiền Trung tâm CBGSGC ở Nghệ An: đầu tư chi tiêu, xây dựng hệ thống xử lý nước thải và các hạng mục khác liên quan: 4,5 năm 5 triệu đồng từ nguồn vốn có, vốn hỗ trợ Nhà nước, vay.

Phong án đầu tư phân xưởng sản xuất hàng thủy sản mới: Công ty dự kiến thực hiện trong năm 2014, Công ty xem xét xúc tiến lập phương án đầu tư xây dựng phân xưởng sản xuất hàng thủy sản mới nhằm mở rộng và tăng năng lực sản xuất, báo cáo công phê duyệt thực hiện.

14. Thông tin về những cam kết những chi nhánh của Công ty

Không có.

15. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Liên quan đến việc tham ô tài sản tại Procimex, ngày 10/02/2014, Công an Nghệ An chuyển hồ sơ sang Viện Kiểm sát Nghệ An phê chuẩn quy trình khởi tố và án cáo ý làm trái pháp luật xảy ra tại Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam. Cơ quan điều tra cáo buộc từ tháng 1/2008 khi giữ chức vụ Tổng giám đốc Procimex, ông Nguyễn Văn Minh cho kế toán trưởng Bùi Thị Hòa và thủ quỹ Đoàn Thị Anh Thư rút tiền từ tài khoản của Công ty chi tiêu cho mục đích cá nhân. Ngày 5/11/2012, ông Minh tung tẩu. Tổng giám đốc mới kiểm tra tài chính phát hiện số tiền quy thuộc tội phạm là 25,3 triệu đồng so với số tiền quy trên sổ sách kế toán. Theo lời khai của kế toán Bùi Thị Hòa và thủ quỹ Đoàn Thị Anh Thư, hai người này đã hạch toán khống các chi phí, sổ sách hợp thức hóa số tiền nêu trên, cơ quan chức năng điều tra cho rằng cơ quan khởi tố hai người này về hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng.

Hiện tại hiện tại, Cơ quan Chức năng điều tra đã hoàn tất hồ sơ, chuyển về Viện Kiểm sát và Tòa án Nghệ An xét xử.

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam
2. Mã chứng khoán : PRO
3. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
5. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.000.000 cổ phiếu
6. Phương pháp tính giá

6.1 Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 (mỗi giá 10.000 đồng/cổ phiếu):

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và các quỹ}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{36.834.025.510}{3.000.000} = 12.278 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 (mỗi giá 10.000 đồng/cổ phiếu):

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và các quỹ}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{38.576.112.077}{3.000.000} = 12.858 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

6.2 Phương pháp tính giá cổ phiếu

Công ty lựa chọn phương pháp so sánh P/E và P/B tính giá tham chiếu cho cổ phiếu của Công ty trong ngày giao dịch đầu tiên hoặc các phương pháp tính giá khác. Công ty niêm yết trên HNX với giá tham chiếu khi quy định lựa chọn ngày giao dịch đầu tiên.

7. Giá trị vốn góp của các cổ đông nước ngoài

Thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam, tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ vốn góp của các cổ đông nước ngoài vào công ty cổ phần hiện tại là 49%. Tính đến thời điểm ngày 06/06/2014, tỷ lệ vốn góp của các cổ đông nước ngoài tại Công ty là 0%.

8. Các lợi ích liên quan

❖ Thu nhập doanh nghiệp, thuế GTGT, thuế xuất khẩu

Thu suất thu nhập doanh nghiệp năm 2011, 2012, 2013 là 25%. Năm 2011, Công ty trích 50% thu nhập doanh nghiệp để trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp và trích 30% thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp và nhân viên. Năm 2012, Công ty trích 30% thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 hướng dẫn Nghị quyết 60/2012/NQ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 29/2012/QH13 của Quốc hội và ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Năm 2013, Công ty không trích nộp thuế suất thu nhập doanh nghiệp và phí chi phí thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Căn cứ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, từ 01/01/2014, thuế suất thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa là 22% và từ 01/01/2016, thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Thuế GTGT áp dụng hiện tại đối với dịch vụ gia công của Công ty là 10%.

Thuế xuất khẩu hiện tại đối với hàng hóa của Công ty là 0%.

❖ Thu nhập cá nhân liên quan đến hoạt động chuyên nghiệp và kinh doanh

Theo thông t s 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 h ng d n th c hi n Lu t thu thu nh p cá nhân, lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t thu thu nh p cá nhân và Ngh nh s 65/2013/N -CP c a Chính ph quy nh chi ti t m t s i u c a Lu t thu thu nh p cá nhân và Lu t s a i, b sung m t s i u c a Lu t thu thu nh p cá nhân, Thu su t i v i thu nh p t chuy n nh ng v n góp là 20% trên thu nh p tính thu c a m i l n chuy n nh ng. Thu su t i v i thu nh p t chuy n nh ng ch ng khoán là 20% trên thu nh p tính thu c n m áp d ng i v i tr ng h p i t ng n p thu , có ch ng t , xác nh c thu nh p tính thu quy nh t i i u 16 Ngh nh trên. i v i các tr ng h p khác ngoài tr ng h p trên, áp d ng thu su t 0,1% trên giá chuy n nh ng ch ng khoán t ng l n.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. T ch c t v n

CÔNG TY C PH N CH NG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ N I (SHS)

▪ **Tr s chính:**

- a ch : T ng 3, tòa nhà Trung tâm H i ngh Công oàn, s 1 Y t Kiêu, Hoàn Ki m, Hà N i.

- i n tho i : 04. 38181 888 Fax: 04. 38181 688

▪ **Chi nhánh H Chí Minh:**

- a ch : S 236-238 Nguy n Công Tr , Qu n 1, Tp H Chí Minh

- i n tho i : 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

▪ **Chi nhánh à N ng:**

- a ch : S 97 Lê L i, Qu n H i Châu, Thành ph à N ng

- i n tho i : 0511 3525 777 Fax: 0511 3525 777

▪ Website : www.shs.com.vn

2. T ch c ki m toán

CÔNG TY TNHH KI M TOÁN VÀ D CH V TIN H C TP. H CHÍ MINH

Tr s chính : 142 Nguy n Th Minh Khai, qu n 3, Thành ph H Chí Minh

i n tho i : 08. 3930 5163 Fax: 08. 3930 4281

Website : www.aisc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Ph l c I:** B n sao h p l Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.
2. **Ph l c II:** i u l Công ty.
3. **Ph l c III:** Báo cáo tài chính ã ki m toán 2012, 2013

à N ng, ngày tháng n m 2014

I D I N T C H C N G K Ý G I A O D C H

C Ô N G T Y C P H N P R O C I M E X V I T N A M

C H T C H H Q T

T R N G B A N K I M S O Á T

P H M M N H T H N G

P H A N T H K I M N G U Y Ê N

T N G G I Á M C

K T O Á N T R N G

N G U Y N H U D N G

T R N T H T H U H À

I D I N T C H C T V N

C Ô N G T Y C P H N C H N G K H O Á N S À I G Ò N - H À N H

P H Ó T N G G I Á M C P H T R Á C H I U H À N H

V C T I N